

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

119

T. Mạnh

Môn học: Anh văn 3 (22401606)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A301

Số SV có mặt: 46

Số bài thi:/.....

Số tờ giấy thi:/.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122110092	Lâm Thái An	10/10/2004	CCQ2211C		Phan	7,8	5,7	6,5	
2	2122100188	Hứa Thị Kim Anh	15/04/2004	CCQ2210F		Đ	4,7	4,0	4,3	
3	2122100330	Bá Thị Mai	18/10/2004	CCQ2210F		all	5,0	4,9	4,9	
4	2123140064	Nguyễn Công	01/02/2005	CCQ2314B		Ưng	5,6	6,4	6,1	
5	2123150074	Vũ Huy	23/03/2005	CCQ2315C		Đ	9,2	6,4	7,5	
6	2123150087	Dương Thanh	03/02/2003	CCQ2315C		Đ	8,0	8,2	8,1	
7	2123150076	Nguyễn Trịnh Phát	28/08/2005	CCQ2315C		Đ	6,0	6,8	6,5	
8	2123120246	Hoàng Lê Hồng	15/10/2005	CCQ2312E		Đ	7,6	5,6	6,4	
9	2123140070	Lê Hữu Minh	14/12/2005	CCQ2314B		Đ	6,8	8,5	7,8	
10	2123200632	Phạm Ngọc	01/11/1995	CCQ2320G		Đ	4,1	6,6	5,6	
11	2123210135	Trương Văn	24/09/2005	CCQ2321D		Đ	7,1	4,7	5,7	
12	2123180086	Nguyễn Tùng	30/08/2004	CCQ2318C		Đ	6,5	3,0	4,4	
13	2123150075	Nguyễn Đức	08/07/2005	CCQ2315C		Đ	7,0	6,8	6,9	
14	2123150090	Phạm Thế	05/12/2005	CCQ2315C		Đ	7,7	8,0	7,9	
15	2123170418	Phan Ngọc	14/01/2005	CCQ2317L		Đ	7,1	6,9	7,0	
16	2123150082	Võ Tùng	24/04/2005	CCQ2315C		Đ	8,0	8,0	8,0	
17	2123120249	Phạm Thị Thanh	21/06/2005	CCQ2312E		Đ	8,5	6,7	7,4	
18	2123200219	Nguyễn Thị Thúy	25/09/2005	CCQ2320C		Đ	8,5	5,7	6,8	
19	2121270040	Nguyễn Hữu	07/05/2003	CCQ2127B			4,1			
20	2123150096	Trần	24/05/2005	CCQ2315C		Đ	6,6	5,7	6,1	
21	2123150083	Nguyễn Xuân	29/12/2005	CCQ2315C		Đ	8,8	7,0	7,2	
22	2121210102	Lương Trần Tiến	06/11/2002	CCQ2121C		Đ	6,8	8,1	7,6	
23	2123030190	Đặng Phúc	20/03/2005	CCQ2303F		Đ	7,1	7,3	7,2	
24	2123150023	Tô Hữu	29/01/2005	CCQ2315A		Đ	7,9	7,3	7,5	
25	2121200143	Nguyễn Đăng	17/01/2003	CCQ2120E		Đ	7,5	7,0	7,2	
26	2122170800	Trần Văn	17/04/2004	CCQ2217I		Đ	5,2	5,7	5,5	
27	2122170094	Trần Nhật	18/01/2004	CCQ2217C		Đ	7,6	6,8	7,1	
28	2122140060	Mai Quốc	02/02/2004	CCQ2205C		Đ	5,8	3,0	4,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401606)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A301

Số SV có mặt: 46

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123120311	Bùi Thị Uyên	Nhi	18/08/2005	CCQ2312F		8,0	8,2		
30	2123120334	Phạm Huỳnh	Nhi	06/10/2001	CCQ2312F	Nhi	8,0	7,3	7,6	
31	2123120272	Nguyễn Thị Sô	Ny	06/01/2003	CCQ2312E	Ny	6,6	4,9	5,6	
32	2123150078	Huỳnh Văn	Phú	21/03/2005	CCQ2315C	Phú	6,5	7,6	7,2	
33	2123110478	Lầu Duy	Phúc	24/06/2005	CCQ2311L	Duy	7,7	7,6	7,6	
34	2123110434	Bạch Đông	Quân	13/01/2005	CCQ2311L	Đông	7,8	8,3	8,1	
35	2123150079	Nguyễn Thị Bích	Quyên	22/01/2005	CCQ2315C	Bích	8,9	6,6	7,5	
36	2121140011	Nguyễn Thanh	Son	08/01/2003	CCQ2114A		0,0			
37	2123150089	Cao Tấn	Tài	16/01/2005	CCQ2315C	Tài	9,0	5,0	6,6	
38	2123210185	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	15/08/2005	CCQ2321E	Mỹ	8,4	7,5	7,9	
39	2123170385	Nguyễn Huỳnh Văn Minh	Tấn	15/02/2005	CCQ2317K	Tấn	4,3	5,6	5,1	
40	2123110006	Trần Trọng	Tấn	10/04/2004	CCQ2311A	Trần Trọng	10,0	8,3	9,0	
41	2122050051	Tô Đình	Thành	18/06/2004	CCQ2205B	Đình	6,5	5,4	5,8	
42	2123150085	Trần Quốc	Thịnh	21/02/2005	CCQ2315C	Quốc	6,5	6,0	6,2	
43	2123140060	Lê Quang	Triều	02/03/2005	CCQ2314B	Quang	3,2	3,5	3,4	
44	2123150077	Nguyễn Phan Bảo	Trọng	21/07/2005	CCQ2315C	Trọng	6,9	5,0	5,8	
45	2123120247	Cao Thị Hồng	Tú	20/07/2002	CCQ2312E	Hồng	10,0	9,1	9,5	
46	2123300008	Lê Minh	Tú	18/02/2005	CCQ2330A		0,0			
47	2123120496	Nguyễn Anh	Tuấn	22/05/2000	CCQ2312E	Anh	7,9	5,4	6,2	
48	2122170252	Bùi Thế	Tường	01/09/2004	CCQ2217G	Thế	6,5	6,2	6,3	
49	2123150084	Nguyễn Ngọc	Tuyên	13/05/2004	CCQ2315C	Ngọc	6,4	7,7	7,2	
50	2123120302	Đinh Huỳnh Như	Ý	27/06/2005	CCQ2312F	Ý	8,8	7,3	7,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

120

T. Thuận

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401607)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A302

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 01

Số tờ giấy thi: 01

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123220016	Phạm Hải Anh	10/04/2005	CCQ2322A			9,5	6.8	7,9	
2	2122040028	Trần Văn Bằng	19/12/2003	CCQ2203D			9,5	8.6	9,0	
3	2122200189	Nguyễn Thanh Đa	04/02/2004	CCQ2220F			7,9	6.3	6,9	
4	2122120280	Huỳnh Hải Đăng	06/05/2004	CCQ2212I			7,1	4.0	5,2	
5	2123220005	Nguyễn Đình Đạt	19/05/2005	CCQ2322A			9,2	6.5	7,6	
6	2122120211	Nguyễn Thị Xuân Diệu	26/06/2004	CCQ2212G			8,9	8.0	8,4	
7	2122170647	Nguyễn Lập Đông	25/11/2004	CCQ2217Q			8,7	8.6	8,6	
8	2123220069	Lữ Thu Hà	02/07/2005	CCQ2322B			7,8	0.0	3,1	
9	2122110195	Phạm Quang Hà	29/08/2004	CCQ2211E			7,9	6.4	7,0	
10	2123220083	Trần Nguyễn Gia Hân	13/04/2005	CCQ2322C			9,9	9,0	9,4	Thi BS
11	2123220006	Nguyễn Dương Thanh Hằng	25/10/2005	CCQ2322A			8,6	3.7	5,7	
12	2122110316	Nguyễn Minh Hiền	20/12/2004	CCQ2211H			6,1	6.4	6,3	
13	2122120141	Lê Thị Kim Hồng	04/06/2004	CCQ2212E			7,5	5.5	6,3	
14	2123220044	Lê Quốc Hưng	05/09/2004	CCQ2322B			9,1	8.7	8,9	
15	2123170191	Nguyễn Hải Hưng	25/02/2004	CCQ2317F			0,0			
16	2123170179	Kiều Tuấn Huy	11/05/2005	CCQ2317F			9,6	5.9	7,4	
17	2123220086	Lê Thanh Huy	28/07/2005	CCQ2322C			10,0	9,2	9,5	Thi BS
18	2122120548	Nguyễn Khánh Huyền	25/01/2004	CCQ2212O			0,0			
19	2123120517	Nguyễn Hữu Khải	26/12/2005	CCQ2312I			9,7	7.0	8,1	
20	2123170202	Nguyễn Duy Khang	30/09/2005	CCQ2317F			8,2	4.5	6,0	
21	2122110293	Nguyễn Phạm Gia Khang	11/04/2004	CCQ2211H			5,0			
22	2123170195	Nguyễn Đăng Khoa	14/12/2005	CCQ2317F			8,2	3.6	5,4	
23	2123220011	Dương Tuấn Kiệt	01/10/2005	CCQ2322A			9,1	7.6	8,2	
24	2122170549	Nguyễn Vũ Thanh Lợi	30/07/2004	CCQ2217N			7,0	6.7	6,8	
25	2122200071	Trần Tiểu My	30/09/2004	CCQ2220C			9,0	5.4	6,8	
26	2122120419	Nguyễn Trung Nhân	07/04/2004	CCQ2212M			7,2	4.2	5,4	
27	2122030027	Võ Duy Nhất	07/02/2004	CCQ2203A			9,0	8.1	8,5	
28	2123170625	Huỳnh Ngọc Phúc	18/01/2005	CCQ2317R			0,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

120

T. Thuận

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401607)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A302

Số SV có mặt: 42

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123180033	Hồ Vũ Phước	22/03/2002	CCQ2318A		như	9,3	7.3	8,1	
30	2120170300	Nguyễn Thanh Sang	23/05/2002	CCQ2017I			0,0			
31	2123170188	Lê Chí Tài	06/04/2005	CCQ2317F			9,5	9.3	9,4	
32	2123170561	Lưu Trọng Tân	06/04/2005	CCQ2317P		Tan	5,0	5.0	5,0	
33	2122190115	Trần Phước Tây	17/09/1998	CCQ2219D		Tay	9,7	3.4	5,9	
34	2123220028	Thái Chí Thanh	24/11/2005	CCQ2322A			8,7	6.5	7,4	
35	2123220009	Mai Hữu Thành	11/04/2005	CCQ2322A		thanh	9,4	8.5	8,9	
36	2123170626	Nguyễn Văn Thành	27/01/2005	CCQ2317R		thanh	8,8	7.4	8,0	
37	2123220060	Đinh Hoàng Phương Thảo	13/01/2005	CCQ2322A		thao	10,0	7.8	8,7	
38	2122210059	Bùi Thanh Bích Thiện	28/03/2004	CCQ2221B		Thiên	8,0	7.1	7,5	
39	2122170666	Nguyễn Thành Thiện	01/06/2004	CCQ2217Q			5,0			
40	2123170536	Lương Văn Thịnh	18/10/2005	CCQ2317P		Thi	7,4	7.9	7,7	
41	2123220034	Nguyễn Ngọc Thịnh	10/01/2001	CCQ2322A			9,4	8.6	8,9	
42	2123220074	Trần Thái Trọng Toàn	01/01/2005	CCQ2322B		Toàn	9,3	6.6	7,7	
43	2123220010	Triệu Văn Trãi	11/02/2005	CCQ2322A		Tr	8,9	8.3	8,5	
44	2122070019	Trương Thị Ngọc Trúc	15/02/2003	CCQ2207A		Truc	5,0	5.0	5,0	
45	2122210039	Trần Thanh Truyền	14/03/2004	CCQ2221E		Truyền	8,2	8.4	8,3	
46	2120170420	Nguyễn Xuân Tùng	19/01/2002	CCQ2017L		Tung	9,8	2.5	5,4	
47	2123220012	Trần Thị Yến Vi	15/03/2004	CCQ2322A		Vi	9,5	6.5	7,7	
48	2123220081	Đặng Quốc Việt	10/09/2005	CCQ2322A		Việt	10,0	8.9	9,3	
49	2122110112	Phạm Anh Vũ	01/10/2004	CCQ2211C			9,3	8.2	8,6	
50	2122030044	Trần Quốc Vương	07/11/2004	CCQ2203G		Vương	8,6	4.4	6,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN THI BỔ SUNG
GIẢI ĐOẠN 2, HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 - 2025

Ngày thi: 21/2/2025

Môn: Anh văn 3

Phòng: D5-27

Giảng viên: Cai Minh Thuận

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	MÃ LHP	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký sinh viên	Điểm QT	Điểm thi	Điểm HP
1	2123220083	Trần Nguyễn Gia	Hân	13/04/2005				9,9	9,0	9,4
2	2123220086	Lê Thanh Huy	Huy	28/07/2005				10	9,2	9,5
3										

Lưu ý:

- Sinh viên có mặt đúng thời gian thi.
- Sinh viên mang theo thẻ sinh viên hoặc giấy ghi tùy thân có ảnh.

Số sinh viên có mặt:2.....

Số bài thi:✓.....

Số sinh viên vắng mặt:✓.....

Số tờ giấy thi:✓.....

CB coi thi 1

CB coi thi 2

GV chấm bài 1

GV chấm bài 2

Thạch Loan
Cai Minh Thuận
Thạch Loan

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

121

C.H.L.

D: 39
R: 03

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401608)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A304

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 42

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123170064	Nguyễn Quốc Bảo	17/08/2005	CCQ2317B		Bao.	6,0	2,7	4,0	HL
2	2123170169	Nguyễn Tấn Bảo	17/04/2005	CCQ2317E		Bao	7,5	9,1	8,5	
3	2123170036	Võ Duy Bảo	12/04/2005	CCQ2317B		Bao	8,1	8,8	8,5	
4	2123170657	Tạ Ngọc Dũng	30/05/2005	CCQ2317B		Duy	7,0	4,2	5,3	
5	2123170644	Đinh Thanh Hải	12/09/2005	CCQ2317B		Ha	6,0	4,5	5,1	
6	2122190009	Trần Văn Hậu	01/11/2004	CCQ2219A		Hau	8,0	7,9	7,9	
7	2123170115	Ninh Đức Hiệu	15/06/2005	CCQ2317D		Huy	6,8	6,0	6,3	
8	2122110370	Hồ Đức Hoàng	09/10/2004	CCQ2211J			6,3			HL
9	2122200093	Huỳnh Minh Hoàng	21/12/2004	CCQ2220C		Hoang	7,5	7,5	7,5	
10	2122110506	Lê Thu Hưng	09/11/2004	CCQ2211J			2,0			Cấm thi
11	2123170035	Nguyễn Huy	15/02/2005	CCQ2317A			0,0			Cấm thi
12	2122110331	Nguyễn Gia Huy	26/05/2004	CCQ2211I		Huy	6,0	8,7	7,6	
13	2123170157	Phan Huynh	27/10/2005	CCQ2317E		Huynh	6,5	4,8	5,5	
14	2122110374	Phan Thành Khải	02/08/2004	CCQ2211J		Kh	6,5	7,5	7,1	
15	2122030198	Huỳnh Đỗ Duy Khang	04/07/2004	CCQ2203F		Khang	6,7	5,7	6,1	
16	2123170172	Bùi Anh Khoa	27/01/2005	CCQ2317E		Khoa	5,6	5,6	5,6	
17	2123170062	Hồ Đăng Khoa	19/12/2004	CCQ2317B		Khoa	5,5	5,7	5,6	
18	2123110058	Phạm Đăng Khoa	14/10/2005	CCQ2311B		KHOA	7,1	4,5	5,5	
19	2123170049	Phạm Lê Anh Khoa	03/02/2005	CCQ2317B		Pham	7,4	6,5	6,9	
20	2122110264	Trương Hữu Lợi	14/06/2004	CCQ2211G			4,0			HL
21	2123170033	Nguyễn Thái Hoàng Long	25/03/2002	CCQ2317A		Long	7,2	7,2	7,2	
22	2122260073	Phạm Thị Lương	25/07/2004	CCQ2226C		Luong	8,0	6,3	7,0	
23	2123170009	Phùng Ngọc Lương	15/09/2004	CCQ2317A		Luong	6,0	5,7	5,8	
24	2123170037	Lê Trọng Nghĩa	14/03/2005	CCQ2317B		Nghia	6,5	7,5	7,1	
25	2122030155	Nguyễn Phước Nghĩa	02/11/2004	CCQ2203E		Nghia	6,9	8,3	7,7	
26	2123170055	Bùi Thái Nguyên	29/11/2005	CCQ2317B		Nguyen	7,2	8,5	8,0	
27	2123170168	Nguyễn Duy Nguyên	22/03/2005	CCQ2317E		Nguyen	5,0	5,4	5,2	
28	2122170378	Lê Anh Nhân	21/06/2004	CCQ2217J		Nhan	6,6	6,6	6,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

121

C. Hết

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401608)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A304

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 42

Số tờ giấy thi:.....

Ng. I. Hồng Hà
Prin Thi Thao
Ng. I. Hồng Hà
Prin Thi Thao

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123170151	Võ Văn Phong	25/05/2005	CCQ2317E			4,5			HL
30	2123170148	Võ Phi Sơn	13/08/2005	CCQ2317E			4,5			HL
31	2123170144	Nguyễn Thiện Tâm	27/09/2005	CCQ2317E			6,0	8,7		
32	2123170206	Nguyễn Quang Tân	08/05/2005	CCQ2317F			0,0			Cấm thi
33	2122040024	Đặng Ngọc Thân	07/10/2004	CCQ2204A			7,0	6,0	6,4	
34	2122110071	Thạch Xuân Thành	15/01/2004	CCQ2222A			6,0	0,0	2,4	HL
35	2122120082	Bình Từ Thiện	06/02/2004	CCQ2212C			7,0	8,8	8,1	
36	2123170024	Vương Nguyễn Trường Thịnh	08/03/2005	CCQ2317A			6,7	7,5	7,2	
37	2122100215	Ngô Thị Lệ Thơ	07/07/2002	CCQ2210G			6,0	0,0	2,4	HL
38	2122110387	Trần Ngọc Thứ	03/10/2004	CCQ2211J			7,8	5,6	6,5	
39	2122200111	Đỗ Đình Thuận	10/10/2004	CCQ2220D			7,6	7,8	7,7	
40	2123170057	Lương Nhật Tiến	08/12/2005	CCQ2317B			7,7	9,2	8,6	
41	2123170178	Trần Tấn Tín	03/09/2005	CCQ2317F			5,1	3,3	4,0	
42	2123170008	Nguyễn Minh Toàn	31/07/2004	CCQ2317A			6,8	8,0	7,5	
43	2123220085	Nguyễn Ngọc Trọng	20/10/2005	CCQ2322C			8,0	8,9	8,5	
44	2122110046	Võ Thành Trung	14/04/2004	CCQ2211B			6,5	8,7	7,8	
45	2123170015	Nguyễn Văn Trường	09/08/2005	CCQ2317A			7,8	7,7	7,7	
46	2123220091	Lê Đình Xuân Việt	06/08/2005	CCQ2322C			7,5	6,1	6,7	
47	2123220079	Nguyễn Nguyễn Vũ	12/11/2005	CCQ2322C			8,4	8,3	8,3	
48	2122110359	Trần Minh Vũ	08/03/2004	CCQ2211J			5,7			Cấm thi
49	2123170043	Nguyễn Thanh Vỹ	20/10/2005	CCQ2317B			7,8	8,3	8,1	
50	2122120219	Nguyễn Lê Thanh Xuân	24/01/2004	CCQ2212G			6,8	8,2	7,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

122

T. Thuận

Môn học: Anh văn 3 (22401610)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A305

Số SV có mặt: 39..

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122210113	Nguyễn Ngọc Anh	29/01/2004	CCQ2220D		Anh	9,2	8,7	8,9	
2	2122120502	Phạm Tuấn Anh	13/06/2004	CCQ2212J		Tuấn	9,9	7,2	8,3	
3	2123170250	Nguyễn Thế Bảo	10/08/2005	CCQ2317H		Thế Bảo	6,3	2,0	3,7	
4	2123170295	Nguyễn Văn Gia Bảo	23/12/2004	CCQ2317I		Văn Gia	8,7	7,0	7,7	
5	2123170522	Hồ Ngọc Chung	30/03/2005	CCQ2317O		Chung	8,4	5,8	6,8	
6	2123170318	Trần Văn Cường	02/08/2005	CCQ2317J		Cường	8,6	7,1	7,7	
7	2123170515	Thái Trung Đăng	13/10/2005	CCQ2317O		Đăng	9,6	9,0	9,2	
8	2122170550	Nguyễn Bá Đạt	16/09/2004	CCQ2217N		Bá Đạt	5,0	3,0	3,8	
9	2123170290	Nguyễn Trần Thành Đạt	15/06/2005	CCQ2317I		Thành Đạt	6,2	4,5	5,2	
10	2123170335	Trần Hoàng Đạt	24/12/2005	CCQ2317J		Hoàng Đạt	8,9	8,0	8,4	
11	2123170526	Lý Ngọc Đức	03/05/2005	CCQ2317O		Đức	0,0			
12	2123170302	Nguyễn Văn Dũng	19/05/2004	CCQ2317I		Dũng	8,7	6,0	7,1	
13	2122260041	Trần Thị Thu Hà	05/10/2004	CCQ2226B		Thu Hà	0,0			
14	2123170502	Đặng Tấn Hiệu	04/07/2005	CCQ2317O		Tấn Hiệu	5,6			
15	2123110024	Hồ Minh Hoàng	20/05/2005	CCQ2311A		Minh Hoàng	5,8	6,3	6,1	
16	2123170280	Lê Trương Quốc Huy	21/10/2005	CCQ2317H		Quốc Huy	9,0	9,0	9,0	
17	2122170541	Phạm Quang Huy	10/10/2004	CCQ2217N		Quang Huy	5,0	3,0	3,8	
18	2123170512	Trần Gia Huy	25/05/2005	CCQ2317O		Gia Huy	8,7	8,3	8,5	
19	2122030088	Phạm Quang Khải	13/04/2004	CCQ2203C		Quang Khải	6,1	7,4	6,9	
20	2123170513	Thái Trung Khoa	13/10/2005	CCQ2317O		Trung Khoa	9,8	9,0	9,3	
21	2123170087	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	11/04/2005	CCQ2317C		Hoàng Minh Khôi	8,0	6,0	6,8	
22	2122170389	Nguyễn Tuấn Kiệt	29/11/2004	CCQ2217J		Tuấn Kiệt	5,7	8,0	7,1	
23	2123170334	Ngô Phước Lộc	10/07/2005	CCQ2317J		Phước Lộc	9,6	8,6	9,0	
24	2123170307	Trần Đỗ Quý Lộc	28/02/2005	CCQ2317I		Đỗ Quý Lộc	0,0			
25	2123170535	Phạm Lê Bảo Long	07/01/2005	CCQ2317O		Lê Bảo Long	8,0	6,0	6,8	
26	2122170311	Trần Văn Lưu	16/02/2004	CCQ2217H		Văn Lưu	6,4	6,7	6,6	
27	2122200095	Vũ Thị Minh	19/02/2004	CCQ2220C		Thị Minh	8,7	8,7	8,7	
28	2123170288	Võ Thái Ngọc	17/03/2005	CCQ2317I		Thái Ngọc	9,5	5,7	7,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

122

T. Thuận

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401610)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A305

Số SV có mặt: 39

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2120120662	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	20/07/2001	CCQ2012H		0,0			
30	2123030120	Lưu Hoàng	Nhi	11/01/2005	CCQ2303D	Nhi	9,0	5,0	6,6	
31	2122120449	Lê Thị	Nhung	25/12/2004	CCQ2212M	Nhung	7,5	4,8	5,9	
32	2122260083	Võ Yến	Ny	10/10/2004	CCQ2226C	Yến	9,0	9,2	9,1	
33	2123170294	Lê Thanh	Phát	30/07/2005	CCQ2317I	Phát	5,5	5,7	5,6	
34	2123170099	Nguyễn Nam	Phong	24/09/2005	CCQ2317C	Phong	7,2	7,1	7,1	
35	2123170257	Chu Quang	Phúc	08/07/2005	CCQ2317H	Phúc	7,7	5,7	6,5	
36	2123170293	Phan Minh	Quốc	25/08/2005	CCQ2317I	Quốc	7,2	3,0	4,7	
37	2122120444	Trương Ngọc Linh	Quy	15/07/2004	CCQ2212M	Quy	9,1	7,2	8,0	
38	2123170266	Mai Ngọc	Quý	27/01/2005	CCQ2317H	Quý	8,7	6,6	7,4	
39	2123170301	Nguyễn Hoàng	Sanh	27/08/2005	CCQ2317I	Sanh	5,9	4,0	4,8	
40	2123170303	Trần Thanh	Tâm	25/05/2005	CCQ2317I		0,0			
41	2123170283	Võ Nguyễn Thanh	Tâm	08/04/2005	CCQ2317I	Thanh	8,0	7,5	7,7	
42	2123170311	Nguyễn Nhật	Tân	20/06/2005	CCQ2317I	Tân	7,9	4,6	5,9	
43	2123170325	Nguyễn Võ Văn	Thân	24/01/2005	CCQ2317J	Thân	8,2	8,0	8,1	
44	2122050073	Phan Hữu	Thi	12/12/2004	CCQ2206B	Thi	6,3	3,4	4,6	
45	2123170511	Ngô Phúc	Toàn	02/02/2005	CCQ2317O		6,2			
46	2121150064	Nguyễn Đình	Tú	09/09/2002	CCQ2115B		5,6			
47	2123170452	Lê Văn	Tuấn	18/11/2005	CCQ2317I		0,0			
48	2122120088	Tống Thị Như	Tuyền	27/02/2004	CCQ2212C		0,0			
49	2122200052	Nguyễn Công	Vin	11/06/2004	CCQ2220B	Vin	5,7	6,3	6,1	
50	2121170692	Nguyễn Minh	Vũ	14/06/2002	CCQ2117G		0,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

123

C.Linh

A: 47
H: 1

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401618)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 48

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123100110	Đặng Mỹ Anh	12/12/2005	CCQ2310D			8,0	8,7	8,4	
2	2122030117	Huỳnh Tôn Bảo	01/05/2004	CCQ2203D			8,0	6,9	7,3	
3	2122100321	Lê Thị Ngọc Cúc	15/10/2004	CCQ2210B			7,3	4,0	5,3	
4	2123100257	Hồ Thị Ngọc Dung	10/06/2005	CCQ2310C			7,4	5,0	6,0	
5	2123100089	Nguyễn Thị Nguyệt Hằng	12/11/2005	CCQ2310C			6,0			
6	2123100093	Trần Ngọc Hằng	15/08/2003	CCQ2310C			8,3	8,1	8,2	
7	2121180061	Lưu Hoài Hiếu	20/09/2003	CCQ2118B			6,5	6,6	6,6	
8	2122120266	Trương Văn Hiếu	27/03/2004	CCQ2212H			5,8	4,4	5,0	
9	2123200656	Nguyễn Thị Kim Hoa	17/01/2005	CCQ2320G			8,1	9,1	8,7	
10	2122170353	Nguyễn Quốc Học	13/03/2004	CCQ2217I			6,3	8,9	7,9	
11	2123100083	Bùi Ngọc Vy Huyền	30/01/2005	CCQ2310C			5,5	0,2	2,3	
12	2123100130	Đỗ Thị Minh Huyền	26/11/2005	CCQ2310D			7,1	5,0	5,8	
13	2122100039	Nguyễn Thị Thu Huyền	28/02/2004	CCQ2210B			7,5	7,6	7,6	
14	2123100144	Nguyễn Trúc Huyền	02/01/2005	CCQ2310D			7,8	7,3	7,5	
15	2123100098	Phan Thị Bích Lâm	20/08/2005	CCQ2310C			0,0			
16	2123200592	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	07/12/2005	CCQ2320G			8,5	7,5	7,9	
17	2123100123	Lê Thị Dương Linh	02/06/2005	CCQ2310D			7,6	7,4	7,5	
18	2123100078	Lê Thị Mỹ Linh	14/02/2005	CCQ2310C			6,5	5,0	5,6	
19	2123100081	Nguyễn Hoàng Ánh Linh	25/10/2005	CCQ2310C			7,2	5,7	6,3	
20	2123100088	Văn Thị Ngọc Linh	19/08/2002	CCQ2310C			7,4	8,6	8,1	
21	2123100129	Nguyễn Thị Trúc Ly	18/01/2005	CCQ2310D			6,6	5,8	6,1	
22	2123100118	Lê Thị Diễm Mi	16/02/2005	CCQ2310D			7,3	7,0	7,1	
23	2123100114	Đoàn Thị Miên	12/11/2005	CCQ2310D			7,3	3,6	5,1	
24	2123100085	Vũ Thị Thúy Nga	08/03/2005	CCQ2310C			6,1	5,6	5,8	
25	2123100102	Huỳnh Thị Thanh Ngân	25/10/2005	CCQ2310C			7,5	4,7	5,8	
26	2123100141	Nguyễn Thị Kim Ngân	10/10/2002	CCQ2310D			9,5	8,8	9,1	
27	2123100126	Trần Thị Ngọc Ngân	04/06/2004	CCQ2310D			7,2	6,6	6,8	
28	2123100117	Đinh Hoàng Thiên Nhã	27/03/2005	CCQ2310D			7,3	6,8	7,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

123

C.Linh

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401618)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 48

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123100164	Phùng Lê Thanh	Nhân	13/08/2005	CCQ2310D	Nhân	8,1	7,3	7,6	
30	2123100145	Trần Thị Yến	Như	09/03/2005	CCQ2310D		8,4	7,7	8,0	
31	2123100084	Nguyễn Thị Kim	Oanh	29/12/2005	CCQ2310C		7,2	7,1	7,1	
32	2122170241	Phan Tấn	Phát	05/04/2004	CCQ2217F	Phat	7,4	6,7	7,0	
33	2122170368	Trương Nam	Phi	20/01/2004	CCQ2217J	Phi	5,8	5,7	5,7	
34	2123100122	Nguyễn Lê Uyên	Phương	02/09/2005	CCQ2310D	Phuong	7,8	9,1	8,6	
35	2122170562	Trần Minh	Quý	29/09/2004	CCQ2217N	Quy	7,4	8,8	8,2	
36	2123100097	Hồ Thị Như	Quỳnh	02/10/2005	CCQ2310C	Quynh	7,1	5,4	6,1	
37	2123100136	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22/12/2005	CCQ2310D	Thu	8,0	5,9	6,7	
38	2123100135	Võ Thị Ngọc	Thu	04/08/2005	CCQ2310D	Thuy	7,5	3,5	5,1	
39	2123100113	Nguyễn Lê Anh	Thư	09/08/2004	CCQ2310D	Thuy	7,6	8,9	8,4	
40	2123100076	Trần Thị Anh	Thư	23/05/2005	CCQ2310C	Thuy	7,3	6,6	6,9	
41	2123100106	Nguyễn Thị Kim	Thương	16/02/2005	CCQ2310C	Thuy	7,3	8,9	8,3	
42	2123100119	Hồ Thị Thanh	Thúy	27/01/2005	CCQ2310D	Thuy	7,2	9,0	8,3	
43	2123100107	Nguyễn Thị Anh	Thy	24/05/2005	CCQ2310D	Thuy	7,2	7,4	7,3	
44	2122170219	Đỗ Nhật	Tiến	06/10/2004	CCQ2217F	Thuy	6,1	5,0	5,4	
45	2123100103	Bùi Thị Thu	Trang	14/10/2004	CCQ2310C	Thuy	8,2	8,5	8,4	
46	2123100121	Nguyễn Lê Phương	Trình	28/02/2005	CCQ2310D	Thuy	7,5	7,5	7,5	
47	2123100091	Nguyễn Phạm Kiều	Trình	22/08/2005	CCQ2310C	Thuy	9,4	9,1	9,2	
48	2123100104	Trần Thị Diệu	Uyên	02/03/2005	CCQ2310C	Thuy	8,0	7,5	7,7	
49	2123100127	Nguyễn Thị Thùy	Văn	11/03/2005	CCQ2310D	Thuy	6,6	4,3	5,2	
50	2123100080	Hồ Thị Tuyết	Vy	19/08/2005	CCQ2310C	Thuy	8,1	7,5	7,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

124

T. Manh

Môn học: Anh văn 3 (22401620)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 45

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Ng. H. Thanh
Ng. H. Thanh

Ng. H. Thanh
Ng. H. Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123100221	Lê Văn Trường	Anh	14/08/2005	CCQ2310G		7,0	8,6	8,0	
2	2122120382	Trần Như Ngọc	Anh	09/02/2003	CCQ2212L		7,6	8,0	7,8	
3	2123100291	Phạm Thị Ngọc	Ánh	01/06/2005	CCQ2310H		9,0	8,4	8,6	
4	2121170569	Trần Gia	Bảo	08/01/2003	CCQ2121B		5,7	8,6	7,4	
5	2122220004	Phùng Minh	Đạt	22/09/2003	CCQ2222A		0,0			
6	2123100232	Lưu Tú	Đồng	04/10/2005	CCQ2310G		9,4	8,2	8,7	
7	2123100275	Hoàng Thị Lệ	Hằng	30/01/2005	CCQ2310H		8,8	7,6	8,1	
8	2123100262	Phan Thị Ngọc	Hạnh	16/03/2005	CCQ2310H		7,7	8,8	8,4	
9	2122110056	Lê Anh	Hậu	23/07/2004	CCQ2222A		0,0			
10	2123100246	Phạm Thị	Hiên	29/07/2005	CCQ2310G		7,7	8,4	8,1	
11	2123100218	Hồ Văn	Hoàng	06/04/2005	CCQ2310G		6,9	3,6	4,9	
12	2123100256	Trần Thị Ngân	Huệ	02/03/2005	CCQ2310H		8,9	8,6	8,7	
13	2123100253	Nguyễn Thị Thanh	Lam	19/03/2005	CCQ2310G		9,1	8,8	8,9	
14	2123100252	Phạm Trần Gia	Linh	20/05/2005	CCQ2310G		8,1	8,8	8,5	
15	2123100258	Châu Thị Thanh	Mai	10/11/2005	CCQ2310H		7,5	8,1	7,9	
16	2123100285	Phạm Thị Thảo	My	16/09/2005	CCQ2310H		8,8	7,0	7,7	
17	2123100273	Cao Thị Phương	Nga	26/07/2005	CCQ2310H		8,4	8,2	8,3	
18	2123100251	Nguyễn Thị	Nga	08/08/1993	CCQ2310G		0,0			
19	2123100277	Đinh Thúy	Ngân	09/11/2005	CCQ2310H		6,3	6,6	6,5	
20	2123100272	Đinh Thị Dương	Ngọc	15/03/2005	CCQ2310H		9,7	9,2	9,4	
21	2123100224	Nguyễn Như	Ngọc	20/06/2005	CCQ2310G		6,2	7,0	6,7	
22	2123100231	Trần Lâm Bảo	Ngọc	20/06/2005	CCQ2310G		0,0			
23	2123100289	Nguyễn Thị	Nhã	12/06/2005	CCQ2310H		8,7	8,1	8,3	
24	2123100280	Lê Thị Thanh	Nhân	03/03/2005	CCQ2310H		7,9	8,2	8,1	
25	2123100248	Đàng Kim	Như	15/02/2005	CCQ2310G		4,0	4,9	4,5	
26	2123100286	Lê Thị Kim	Phượng	07/09/2005	CCQ2310G		6,9	6,2	6,5	
27	2123100250	Hà Thị Tuyết	Quyên	05/08/2005	CCQ2310G		0,0			
28	2122200122	Nguyễn Thị Ánh	Sương	01/01/2004	CCQ2220D		7,0	7,2	7,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

124

T. Manh

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401620)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 45

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122110242	Trương Thị Kim Sương	08/04/2004	CCQ2211G		Sương	7,4	7,2	7,3	
30	2123100244	Đỗ Thị Thanh Thảo	24/08/2004	CCQ2310G		Thảo	9,2	8,1	8,5	
31	2123100269	Nguyễn Thị Thảo	11/12/2005	CCQ2310H		Thảo	8,3	8,6	8,5	
32	2123100270	Lê Thị Minh Thơ	28/02/2005	CCQ2310H		Thơ	6,2	6,9	6,6	
33	2123100278	Nguyễn Minh Thơ	10/05/2005	CCQ2310H		Thơ	8,3	7,2	7,6	
34	2123100243	Nguyễn Đỗ Anh Thư	19/03/2005	CCQ2310G		Thư	6,6	9,0	8,0	
35	2123100263	Nguyễn Thị Minh Thư	30/09/2005	CCQ2310H		Thư	8,0	8,6	8,4	
36	2123100234	Nguyễn Thu Thủy	25/10/2005	CCQ2310G		Thủy	7,1	8,3	7,8	
37	2123100265	Bùi Mỹ Tiên	28/01/2005	CCQ2310H		Tiên	9,2	8,7	8,9	
38	2123100238	Lương Nguyễn Cẩm Tiên	20/07/2005	CCQ2310G		Tiên	8,9	7,8	8,2	
39	2123110440	Nguyễn Thanh Tín	08/04/1994	CCQ2311L		Tín	5,8	8,5	7,4	
40	2123100217	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	10/12/2003	CCQ2310G		Trâm	5,7	7,0	6,5	
41	2123100264	Nguyễn Ngọc Trân	03/06/2005	CCQ2310H		Trân	8,4	7,0	7,6	
42	2123100292	Cao Thị Thuý Trang	21/06/2005	CCQ2310H		Trang	9,2	8,2	8,6	
43	2123100294	Lê Thị Thùy Trang	19/06/2005	CCQ2310H		Trang	6,6	7,2	7,0	
44	2123100284	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	21/11/2005	CCQ2310H		Trang	8,9	8,3	8,5	
45	2123100235	Võ Thị Thùy Trang	06/01/2005	CCQ2310G		Trang	9,7	8,5	9,0	
46	2123100266	Nguyễn Thị Tuyền	19/05/2005	CCQ2310H		Tuyền	7,1	6,2	6,6	
47	2123100290	Hồ Trần Thanh Vy	16/01/2005	CCQ2310H		Vy	8,6	9,0	8,8	
48	2123100276	Nguyễn Thị Thảo Vy	29/10/2004	CCQ2310H		Thảo Vy	7,1	5,3	6,0	
49	2123100249	Nguyễn Thị Tường Vy	08/03/2005	CCQ2310G		Tường Vy	10,0	8,4	9,0	
50	2123100255	Phạm Thị Thanh Xuân	21/04/2005	CCQ2310G		Xuân	9,4	7,7	8,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

125

D. 42
R. 01

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401621)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 43

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123190059	Trương Thị Ngọc Bích	05/09/2005	CCQ2319B		Bích	7,5	6,1	6,7	
2	2123110422	Nguyễn Văn Chiến	13/01/2004	CCQ2311L			7,0			HL
3	2122030154	Trần Ngọc Hải Đăng	16/10/2004	CCQ2203E		Đăng	7,2	4,7	5,7	
4	2122030172	Nguyễn Tiến Đạt	18/04/2004	CCQ2203E			0,0	Cấm thi		
5	2123200619	Nguyễn Văn Đồng	20/06/2005	CCQ2320G			6,8	5,7	6,1	
6	2122030070	Võ Trần Khánh Duy	22/05/2004	CCQ2203B		Duy	7,7	5,5	6,4	
7	2123200696	Trần Thị Thu Hiền	10/06/2005	CCQ2320G		Thu	8,0	8,2	8,1	
8	2123110416	Nguyễn Đức Hiếu	24/01/2005	CCQ2311L		Hieu	6,0	7,2	6,7	
9	2123190005	Nguyễn Y Hoàng	16/04/2002	CCQ2319A			7,1	6,1	6,5	
10	2122120300	Trần Thị Thu Huệ	12/08/2004	CCQ2212I			0,0	Cấm thi		
11	2122040035	Lương Đại Hưng	03/03/2004	CCQ2204A			5,7			HL
12	2123190082	Hán Ngọc An Khương	30/06/2003	CCQ2319A		Khuy	7,7	8,3	8,1	
13	2123190051	Huỳnh Thị Kim Lộc	14/01/2005	CCQ2319B		KimLok	6,7	7,4	7,1	
14	2123200638	Lê Dư Lộc	19/01/2004	CCQ2320G			4,0	2,2	2,9	HL
15	2122030054	Mai Quang Luân	13/04/2004	CCQ2203B		Quang	7,7	8,5	8,2	
16	2123200679	Huỳnh Thị Xuân Mai	24/06/2005	CCQ2320G		Mai	7,2	7,0	7,1	
17	2123200587	Trần Thị Thanh Mạ	10/09/2005	CCQ2320G			7,8	8,3	8,1	
18	2123190116	Trần Trà My	26/12/2003	CCQ2319A		Tramy	7,8	7,3	7,5	
19	2123210152	Ngô Thị Hồng Mỹ	26/11/2004	CCQ2321E		Mỹ	7,5	4,6	5,8	
20	2123190096	Võ Lưu Thúy Nga	24/07/2005	CCQ2319C		Thuy	7,8	4,6	5,9	
21	2123190113	Huỳnh Lâm Thanh Ngân	27/06/2005	CCQ2319A		Ngan	8,6	8,5	8,5	
22	2123190120	Huỳnh Nguyễn Thảo Ngân	20/10/2004	CCQ2319B			8,1	8,5	8,3	
23	2123210151	Nguyễn Trung Nhân	06/03/2005	CCQ2321E			0,0	Cấm thi		
24	2123190033	Dương Thị Tuyết Như	23/08/2006	CCQ2319A			6,0	6,0	6,0	
25	2123190043	Phạm Thị Mỹ Phụng	02/10/2005	CCQ2319B			6,5	8,0	7,4	
26	2123110417	Nguyễn Khắc Phước	03/05/2005	CCQ2311L			6,6	4,0	5,0	
27	2121170362	Phan Minh Quân	02/06/2003	CCQ2117K			6,5	6,5	6,5	
28	2123190060	Bùi Thị Thảo Suong	17/08/2005	CCQ2319B			7,0	7,5	7,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

125

C-H6

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401621)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 48

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122040038	Đào Minh Tân	01/01/2004	CCQ2204B			7,5	4,6	5,8	
30	2123210167	Võ Thị Phương Thanh	17/12/2005	CCQ2321E			6,8	5,9	6,3	
31	2123210150	Trương Ngọc Thảo	26/12/2005	CCQ2321E			6,5	4,0	5,0	
32	2123110438	Võ Ngọc Quốc Thịnh	21/07/2005	CCQ2311L			7,1	7,6	7,0	
33	2123210157	Dương Thị Kim Thoà	23/10/2005	CCQ2321E			7,4	5,8	6,4	
34	2123190109	Huỳnh Ngọc Anh Thư	08/08/2005	CCQ2319A			7,1	4,2	5,4	
35	2123190115	Nguyễn Lê Minh Thư	24/05/2005	CCQ2319B			7,3	6,9	7,1	
36	2123190102	Nguyễn Hoài Thương	23/05/2005	CCQ2319B			7,4	4,0	5,4	
37	2123190111	Nguyễn Thanh Thủy	06/11/2005	CCQ2319B			7,2	6,6	6,8	
38	2123190023	Sư Thị Kim Tiên	27/10/2005	CCQ2319A			8,3	7,7	7,9	
39	2123190104	Võ Ngọc Cẩm Tiên	02/05/2005	CCQ2319C			7,8	8,7	8,3	
40	2123190070	Lê Nguyễn Hương Trà	15/01/2005	CCQ2319B			8,6	9,5	9,1	
41	2123190039	Trịnh Thị Ngọc Trâm	01/10/2005	CCQ2319B			7,0	8,9	8,1	
42	2123210159	Nguyễn Thị Thùy Trang	23/01/2005	CCQ2321E			6,7	3,8	5,0	
43	2123190034	Phan Thị Huyền Trang	08/09/2005	CCQ2319A			6,7	5,4	5,9	
44	2123210172	Nguyễn Đức Trí	10/08/2005	CCQ2321E			8,2	9,0	8,7	
45	2123210158	Mai Nguyễn Bảo Trúc	25/01/2005	CCQ2321E			6,0	5,6	5,8	
46	2123190050	Nguyễn Lê Ánh Trúc	30/12/2005	CCQ2319B			6,0	6,6	6,4	
47	2123210147	Võ Phi Mạnh Tường	29/01/2005	CCQ2321E			3,0			Cấm thi
48	2122200015	Trần Ngọc Phương Uyên	26/02/2004	CCQ2220A			5,0			HL
49	2123190048	Đoàn Thị Thu Vân	06/06/2005	CCQ2319B			8,0	6,1	6,9	
50	2123190044	Huỳnh Thị Kim Yến	05/01/2005	CCQ2319B			7,6	6,2	6,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

43
H G

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

126

C.Loan

Môn học: Anh văn 3 (22401622)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 43

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122110452	Nguyễn Duy Anh	17/05/2004	CCQ2211J		Anh	6,0	4,5	5.1	
2	2123300066	Doãn Thị Thu Ánh	18/08/2005	CCQ2330B		Thu Ánh	7,7	3,5	5.2	
3	2123300033	Nguyễn Trần Châu	04/03/2005	CCQ2330A		Chau	8,7	6,5	7.4	
4	2122200151	Nguyễn Tấn Đạt	21/01/2004	CCQ2220E		Dat	5,6	4,0	4.6	HL
5	2123300037	Ung Thị Phương Dung	15/09/2005	CCQ2330B		Ung	9,8	8,5	9.0	
6	2122220005	Nguyễn Hoàng Dương	22/03/2004	CCQ2222A		Duong	7,7	4,3	5.7	
7	2123300049	Đặng Nhất Duy	12/10/2005	CCQ2330B		Duy	9,0	6,4	7.4	
8	2123300045	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	15/12/2005	CCQ2330B		My	9,0	5,3	6.8	
9	2123300055	Trần Thị Mỹ Duyên	27/09/2005	CCQ2330B		Duyen	7,2	6,4	6.7	
10	2123300063	Võ Thị Thùy Duyên	22/05/2005	CCQ2330B		Duyen	9,4	6,8	7.8	
11	2122180052	Trần Văn Giang	08/03/2004	CCQ2218B		Giang	6,0	4,5	5.1	
12	2122120171	Nguyễn Thị Thúy Hằng	07/06/2004	CCQ2212E		Hang	5,8	6,2	6.0	
13	2122110222	Cao Dũy Hào	31/08/2004	CCQ2222A		Hao	7,6	6,2	6.8	
14	2123300050	Lý Minh Hiếu	04/09/2005	CCQ2330B		Hieu	7,7	4,5	5.8	
15	2123300029	Trần Đức Hoàn	02/02/2005	CCQ2330A		Huan	7,3	4,4	5.6	
16	2123300040	Huỳnh Gia Huy	26/02/2005	CCQ2330B		Huy	6,6	6,6	6.6	
17	2123300054	Lê Anh Huy	24/05/2005	CCQ2330B		Huy	7,7	3,8	5.4	
18	2122180065	Nguyễn Nhất Huy	26/11/2003	CCQ2218B		Huy	6,0	4,5	5.1	
19	2122110489	Nguyễn Anh Khoa	03/01/2004	CCQ2211L		Khoa	6,3	4,5	5.2	
20	2122030260	Nguyễn Thái Thành Lân	31/07/2001	CCQ2203D		Lan	9,0	7,6	8.2	
21	2123300068	Phan Thị Thúy Liên	29/05/2005	CCQ2330B		Loan	9,4	6,8	7.8	
22	2123300017	Bùi Đức Long	14/08/2004	CCQ2330A		Phan chi thi	6,0	0,0	2.4	HL
23	2122210026	Nguyễn Thân Kiều My	16/01/2004	CCQ2221A		My	6,0	7,6	7.0	
24	2123300031	Hoàng Thị Khánh Ngân	12/10/2005	CCQ2330A		Ngan	10,0	7,1	8.3	
25	2123300032	Nguyễn Thị Thanh Ngân	14/08/2005	CCQ2330A		Ngan	7,9	5,2	6.3	
26	2122120318	Nguyễn Văn Nhân	21/09/2003	CCQ2212J		Nhan	7,0	7,4	7.2	
27	2123300036	Trần Yến Nhi	27/05/2005	CCQ2330B		Nhi	9,4	6,6	7.7	
28	2122270104	Phạm Quang Phước	20/09/2004	CCQ2227D		Phuoc	7,3	6,4	6.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

126

C. Loan

Môn học: Anh văn 3 (22401622)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123300069	Huỳnh Thị Kim	Phương	08/06/2005	CCQ2330B		8,3	8,3	8,3	
30	2123300020	Lục Văn Vinh	Quang	30/07/2005	CCQ2330A		8,5	6,7	7,4	
31	2123300039	Nguyễn Hoàng Nhật	Quang	12/12/2005	CCQ2330B		7,5	7,2	7,3	
32	2123300067	Huỳnh Trần	Quyền	25/05/2005	CCQ2330B		9,5	6,3	7,6	
33	2123300038	Muhamad	Saleh	01/09/2004	CCQ2330B		8,7	5,3	6,7	
34	2123300004	Lộc Phước	Tài	26/03/2005	CCQ2330A		0,0			
35	2123300014	Nguyễn Công	Thắng	25/10/2005	CCQ2330A		6,8	0,0	2,7	HL
36	2123300078	Nguyễn Ngọc Diễm	Thanh	15/10/2005	CCQ2330A		8,7	4,5	6,2	
37	2122110005	Trần Văn	Thành	31/01/2004	CCQ2211A		6,4	5,1	5,6	
38	2122200044	Hồ Thị Phước	Thọ	22/09/2004	CCQ2220B		7,2	5,0	5,9	
39	2123300025	Hồ Thị Anh	Thư	28/09/2005	CCQ2330A		8,1	5,8	6,7	
40	2123300043	Nguyễn Thanh	Thư	14/10/2005	CCQ2330B		4,3	3,1	3,6	HL
41	2123300022	Trần Thị Thu	Thùy	19/10/2005	CCQ2330A		8,2	6,2	7,0	
42	2122120218	Nguyễn Phương	Thùy	05/04/2004	CCQ2212G		7,1	3,2	4,8	HL
43	2122120253	Nguyễn Thị Thanh	Tiên	23/10/2004	CCQ2212H		6,9	3,2	4,7	HL
44	2123300035	Nguyễn Thuý	Trang	15/06/2005	CCQ2330A		7,4	4,5	5,7	
45	2123300010	Phạm Thanh	Truyền	29/09/2002	CCQ2330A		7,9	5,6	6,5	
46	2123300056	Phan Văn	Tuấn	12/06/2004	CCQ2330B		8,0	7,9	7,9	
47	2122030091	Mai Thanh	Tùng	23/05/2004	CCQ2203G		7,0	7,9	7,5	
48	2122200188	Phan Thị	Tuyết	08/02/2004	CCQ2220F		7,5	8,3	8,0	
49	2123190089	Đoàn Thanh	Vy	18/08/2005	CCQ2319C		10,0	7,8	8,7	
50	2122200072	Lê Trần Hoài	Vy	25/10/2004	CCQ2220C		8,2	7,5	7,8	

H: 3
A: 49

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

127
C.Thủy

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401625)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 52

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110216	Phạm Hà An	13/09/2005	CCQ2311G		AP	9,1	2,9	54	
2	2123030213	Trần Công Trường An	22/04/2005	CCQ2303F		As	9,7	9,1	9,3	
3	2122170608	Đương Hoàng Anh	07/01/2004	CCQ2217P			5,2			
4	2123030187	Lê Xuân Hoàng Anh	21/03/2005	CCQ2303F		Anh	9,2	4,7	6,5	
5	2123030154	Nguyễn Thái Bảo	16/06/2005	CCQ2303E		Ba	9,1	4,1	6,1	
6	2123180010	Võ Hoàng Chánh	28/10/1995	CCQ2318A			8,5	5,1	6,5	
7	2122030005	Dương Công Chí	17/05/1999	CCQ2203A			8,5	5,6	6,8	
8	2123140033	Huỳnh Quang Chiến	10/04/2005	CCQ2314A		Ch	9,0	5,0	6,6	
9	2123110359	Nguyễn Ngọc Cường	27/08/2005	CCQ2311J		Cg	9,4	8,7	9,0	
10	2122200182	Phan Thị Diễm	16/08/2004	CCQ2220F		Di	9,1	8,0	8,4	
11	2122050038	Phạm Thanh Diễm	05/05/2004	CCQ2205B		Di	8,1	3,2	5,2	
12	2121030164	Nguyễn Văn Đức	08/12/2003	CCQ2103C		Đ	7,4	3,6	5,1	
13	2123030220	Nguyễn Tấn Dũng	26/02/2005	CCQ2303F		Đ	9,4	6,0	7,4	
14	2122170627	Nguyễn Trọng Duy	03/02/2004	CCQ2217P		Đ	9,4	4,0	6,2	
15	2123170634	Cao Ngọc Hân	22/01/2005	CCQ2317R		Lh	9,2	2,2	5,0	
16	2122120019	Hà Thị Mỹ Hạnh	03/06/2001	CCQ2212A		H	9,3	8,6	8,9	
17	2123030206	Châu Khánh Hòa	06/09/2005	CCQ2303F		H	8,5	5,2	6,5	
18	2122030026	Đinh Văn Hoàng	01/04/2004	CCQ2203A		H	9,4	7,0	8,0	
19	2122170618	Võ Văn Hoàng	24/07/2004	CCQ2217P		H	9,2	4,5	6,4	
20	2122050036	Võ Phước Hôn	16/04/2004	CCQ2205B		H	8,2	5,2	6,4	
21	2123170612	Nguyễn Đức Hùng	27/11/2005	CCQ2317R		H	9,5	3,3	5,8	
22	2123220033	Đinh Văn Khang	02/09/2005	CCQ2322A		K	5,9	5,6	5,7	
23	2122170489	Nguyễn Đình Minh Khang	16/02/2004	CCQ2217M		K	8,3	7,0	7,5	
24	2123170486	Lê Anh Kiệt	28/03/2005	CCQ2317N		K	7,1	6,0	6,4	
25	2123030191	Lê Tuấn Kiệt	26/08/2004	CCQ2303F		K	9,4	3,4	8,8	
26	2123110364	Trần Quốc Kiệt	13/09/2005	CCQ2311J		K	9,4	7,3	8,1	
27	2122170612	Nguyễn Quang Lâm	23/06/2004	CCQ2217P		L	9,5	4,7	6,6	
28	2122030055	Nguyễn Văn Lợi	06/01/2003	CCQ2203B		L	8,2	2,9	5,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401625)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122170639	Lê Thanh	Nam	17/07/2003	CCQ2217P	Nai	9,1	1,0	4,2	
30	2123030164	Trịnh Công	Nam	06/02/2005	CCQ2303E	Nam	9,6	4,0	6,2	
31	2122120011	Hoàng Thị Cẩm	Ngân	09/12/2003	CCQ2212A	ga	9,4	5,7	7,2	
32	2123110077	Cao Quang	Nhật	02/09/2005	CCQ2311C		10,0	8,7	9,2	
33	2122120073	Nguyễn Thị Yến	Nhi	10/10/2004	CCQ2212C	Nhi	9,2	6,0	7,3	
34	2122200031	Trần Thị Cẩm	Nhung	30/09/2004	CCQ2220A	Nhung	9,2	3,6	5,8	
35	2123180122	Nguyễn Tấn	Phú	07/01/2005	CCQ2318A	Phu	8,9	8,2	8,5	
36	2123030217	Ly Sa	Phuong	01/02/2005	CCQ2303F	phuong	8,5	7,7	8,0	
37	2123030145	Nguyễn Bình	Phuong	13/05/2005	CCQ2303E	Phu	9,9	8,1	8,8	
38	2122120072	Trần Thị Hồng	Phuong	30/08/2004	CCQ2212G		4,8			
39	2122030229	Mai Vinh	Quang	22/07/1999	CCQ2203B	Quang	8,5	7,5	7,9	
40	2123030214	Nguyễn Tiến	Quang	05/05/2005	CCQ2303F		7,6	6,9	7,2	
41	2122200034	Nguyễn Kỳ	Quyên	17/01/2004	CCQ2220A	Quyên	9,5	7,0	8,0	
42	2122170292	Lương Việt	Tài	26/07/2004	CCQ2217H		4,5			
43	2122050018	Trương Tấn	Tài	02/01/2004	CCQ2205A	Tai	8,1	4,5	5,8	
44	2122050007	Nguyễn Duy	Tân	20/01/2004	CCQ2205A	Tan	8,8	6,2	7,2	
45	2123170614	Nguyễn Trường	Tạo	10/02/2005	CCQ2317R		1,2			
46	2122030232	Nguyễn Ngọc	Thành	01/10/2004	CCQ2203B	Thanh	8,7	6,0	7,1	
47	2123030221	Nguyễn Văn Hoàng	Thi	17/11/2005	CCQ2303F	Thi	9,5	4,8	6,7	
48	2122170400	Trần Minh	Thuận	04/01/2004	CCQ2217J	Thuan	7,6	5,7	6,5	
49	2123030180	Nguyễn Quang	Trí	11/06/2005	CCQ2303F		1,0			
50	2122050014	Huỳnh Văn	Trường	07/01/2004	CCQ2205A	Truong	7,7	8,0	4,9	
51	2122060077	Nguyễn Đỗ Lam	Trường	02/11/2004	CCQ2206B	Truong	9,1	1,4	4,5	
52	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2205A	Quoc	8,3	4,3	5,9	
53	2123030162	Trần Khắc	Vin	05/06/2005	CCQ2303E		9,7	7,8	8,6	
54	2122170488	Phạm Đình	Vinh	12/10/2004	CCQ2217M	Pham	4,5	6,8	5,9	
55	2122030024	Huỳnh Tấn	Vũ	13/08/2004	CCQ2203G	Vu	9,1	5,2	6,8	
56	2122030076	Huỳnh Trung	Vuong	04/07/2004	CCQ2203G	Trung	8,3	8,2	8,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401625)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
57	2122120016	Nguyễn Ngọc Như Ý	25/08/2004	CCQ2212A			9,5	6,9	7,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

128

C.Loan

A: 29
H: 9

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Trần Thị Nhung Ng.T.
Huy H. Trần Thị Nhung Ng.T. Hồng H.

Môn học: Anh văn 3 (22401609)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 32..

Số bài thi:32.

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122170708	Nguyễn Thanh An	10/07/2000	CCQ2217P			4,4			
2	2122200107	Phan Thị Quỳnh Anh	22/11/2004	CCQ2220D		Anh	6,5	4,6	5,4	
3	2121210087	Y Tùng Bkrông	16/01/2002	CCQ2121C		Tùng	5,4	3,9	4,5	HL
4	2123140012	Võ Nguyên Bôn	11/06/2005	CCQ2314A			3,2			
5	2122100050	Trần Ngọc Kim Chi	25/11/2004	CCQ2210B		Kim	6,2	6,7	6,5	
6	2123140014	Triệu Trương Đạt	12/02/2005	CCQ2314A		Dat	6,2	5,5	5,8	
7	2122140025	Lê Thanh Đông	22/11/2004	CCQ2214A		Phong	7,0	4,1	5,3	
8	2121030151	Nguyễn Văn Dương	22/02/2001	CCQ2103B		Dương	6,7	5,5	6,0	
9	2122140046	Ngô Hoàng Hào	14/06/2003	CCQ2214B			0,0			
10	2123140022	Lê Phúc Hiền	21/09/2005	CCQ2314A			5,0			
11	2122110537	Nguyễn Thị Xuân Hiền	15/08/2004	CCQ2211M			1,0			
12	2122170609	Phạm Minh Hiếu	18/05/2004	CCQ2217P		Hieu	6,4	6,0	6,2	
13	2122030112	Lương Văn Hội	07/06/2004	CCQ2203D			3,7			
14	2122140062	Phạm Xuân Hùng	02/10/2004	CCQ2214B		Hung	6,6	3,2	4,6	HL
15	2122200186	Phạm Thị Thanh Hương	03/02/2004	CCQ2220F		Huong	9,0	6,0	7,2	
16	2122170161	Trần Ngọc Liêm	11/09/2004	CCQ2217D		Liem	7,7	5,9	6,6	
17	2122270132	Châu Bội Linh	08/05/2004	CCQ2227A		Linh	8,5	6,4	7,2	
18	2122270059	Đào Thị Thùy Linh	22/07/2004	CCQ2227B		Thuy	6,8	4,6	5,5	
19	2123140008	Ngô Hữu Lợi	18/07/2005	CCQ2314A		Loi	8,0	8,6	8,4	
20	2123140006	Nguyễn Hữu Luân	13/08/2005	CCQ2314A			5,5			
21	2123140016	Thiệu Ngọc Luân	20/03/2005	CCQ2314A		Luon	6,3	3,4	4,6	HL
22	2123190088	Nguyễn Thị Xuân Mai	06/10/2005	CCQ2319C		Mai	6,3	2,3	3,9	HL
23	2122190038	Lâm Yến Mỹ	31/03/2004	CCQ2212N		My	6,5	5,7	6,0	
24	2122100357	Trương Thị Ngọc Mỹ	03/10/2004	CCQ2210J		My	6,0	3,7	4,6	HL
25	2122120120	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân	24/12/2003	CCQ2212D		Ngan	6,0	5,3	5,6	
26	2122200172	Nguyễn Thị Ái Nghĩa	30/12/2004	CCQ2220E		Nghia	6,0	4,0	4,8	HL
27	2122210025	Lê Thị Trúc Nhi	23/12/2004	CCQ2221A		Nhi	7,4	6,1	6,6	
28	2122060003	Phạm Mẫn Phát	19/02/2002	CCQ2220F		Phat	8,8	7,0	7,7	

C. Loan

Leho Van Leho Van
Trần Thị A. Hùng Ng. T. Trần Thị A. Hùng Ng. T. Hùng Hx

Số tờ giấy thi:.....

HL

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

129

T. Hoàng

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401629)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 49

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122120406	Nguyễn Phạm Xuân An	22/05/2004	CCQ2212L		An	7,2	4,1	5,3	
2	2122120143	Lê Kiều Nguyệt Anh	18/11/2004	CCQ2212E		Anh	8,8	5,7	6,9	
3	2123210079	Nguyễn Thị Quế Anh	21/09/2005	CCQ2321C		Anh	7,5	4,9	5,9	
4	2123210075	Mai Thị Ánh	28/11/2005	CCQ2321C		Anh	6,3	5,7	5,9	
5	2123210081	Phạm Thị Ngọc Chính	01/02/2005	CCQ2321C		Chinh	7,3	5,7	6,3	
6	2122120359	Đặng Văn Đạt	16/02/2004	CCQ2212K		Dat	7,2	4,7	5,7	
7	2123210072	Ngô Đặng Thành Đạt	30/07/2005	CCQ2321C		Dat	6,9	2,2	4,1	
8	2123210168	Trương Hoàng Đạt	06/07/2005	CCQ2321E		Dat	8,0	9,3	8,8	
9	2123210103	Đỗ Thị Bích Diễm	09/06/2005	CCQ2321C		Dien	7,5	7,0	7,2	
10	2123210111	Nguyễn Thị Tường Duy	13/11/2005	CCQ2321D		Duy	9,6	8,7	9,1	
11	2123210191	Trịnh Vũ Duy	03/06/2004	CCQ2321E		Duy	7,5	8,9	8,3	
12	2123210190	Lê Thị Duyên	28/11/2003	CCQ2321E		Duyen	7,5	4,5	5,7	
13	2123210170	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	21/06/2005	CCQ2321E		Duyen	7,4	6,5	6,9	
14	2123210073	Phạm Thu Duyên	20/07/2005	CCQ2321C		Duyen	7,5	8,6	8,2	
15	2123210085	Hồ Thị Quỳnh Giao	19/06/2005	CCQ2321C		Giao	7,5	3,5	5,1	
16	2123210169	Phạm Thị Mỹ Giàu	23/11/2005	CCQ2321E		Giau	6,6	8,0	7,4	
17	2123210176	Đỗ Ngọc Bảo Hân	20/08/2005	CCQ2321E		Han	6,3	6,7	6,5	
18	2123210155	Lê Nguyễn Bảo Hân	07/04/2005	CCQ2321E		Han	7,2	7,6	7,4	
19	2123210086	Lê Đỗ Phương Hằng	25/03/2005	CCQ2321C		Hang	7,9	5,6	6,5	
20	2123210092	Lê Thị Hồng Hạnh	10/09/2005	CCQ2321C		Hanh	7,6	5,7	6,5	
21	2123210178	Lê Thúy Hậu	20/02/2005	CCQ2321E		Hau	6,7	4,9	5,6	
22	2123210136	Lê Ngọc Hiền	28/04/2005	CCQ2321D		Hien	7,2	5,5	6,2	
23	2123210179	Nguyễn Thị Thu Hiền	02/07/2005	CCQ2321E		Hien	7,4	7,3	7,3	
24	2123210163	Trần Minh Hoàng	05/10/2005	CCQ2321E		Hong	6,3	4,6	5,3	
25	2123210175	Nguyễn Thị Thu Hồng	18/06/2005	CCQ2321E		Hong	7,6	6,2	6,8	
26	2123210161	Huỳnh Minh Khải	05/10/2005	CCQ2321E			0,0			
27	2123210133	Nguyễn Thị Yến Khoa	13/10/2005	CCQ2321D		Khoa	7,8	8,8	8,4	
28	2122120221	Hoàng Thị Thúy Kiều	26/08/2004	CCQ2212G		Kieu	7,7	7,0	7,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401629)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 49.

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123210154	Lâm Nguyễn Gia Linh	17/05/2005	CCQ2321E		Linh	7,0	5,0	5,8	
30	2123210140	Lê Thị Trúc Ly	21/09/2005	CCQ2321D		Ly	6,5	2,8	4,3	
31	2123210165	Hồ Trúc Mai	03/04/2005	CCQ2321E		Mai	8,4	7,5	7,9	
32	2123210164	Phạm Huyền My	05/05/2005	CCQ2321E		My	6,5	5,0	5,6	
33	2123210129	Mai Thị Nương	02/04/2005	CCQ2321D		Nuong	7,1	4,3	5,4	
34	2122190013	Nhữ Cao Ngọc Phú	17/08/2004	CCQ2219A		Phu	6,6	4,7	5,5	
35	2123210153	Trần Công Quang	10/10/2005	CCQ2321E		Quang	6,7	4,3	5,3	
36	2123210100	Nguyễn Thị Trúc Quy	22/04/2005	CCQ2321C		Quy	7,3	6,7	6,9	
37	2123210089	Lê Thị Ý Thơm	06/12/2005	CCQ2321C		Thom	8,3	8,5	8,4	
38	2123210113	Trần Đặng Mỹ Thư	06/04/2005	CCQ2321D		Thư	7,2	6,2	6,6	
39	2123210093	Nguyễn Thị Hồng Thúy	23/02/2005	CCQ2321C		Thu	6,9	2,9	4,5	
40	2123210077	Danh Thị Cẩm Tiên	03/05/2005	CCQ2321C		Camtien	9,0	7,3	8,0	
41	2122180039	Trần Văn Tiến	05/11/2004	CCQ2218B		Tien	6,5	3,0	4,4	
42	2123210120	Lê Ngọc Trâm	20/05/2005	CCQ2321D		Tram	8,6	8,1	8,3	
43	2122120390	Nguyễn Hiền Trang	15/10/2004	CCQ2212L		Trang	6,1	5,7	5,9	
44	2122180059	Bảo Văn Anh Tuấn	22/06/2004	CCQ2218B		Tuan	6,2	4,2	5,0	
45	2122120389	Cao Thị Mỹ Tuyền	08/09/2004	CCQ2212L		Tuyen	7,0	5,5	6,1	
46	2123210090	Nguyễn Thanh Tuyền	01/09/2005	CCQ2321C		Tuyen	8,0	8,7	8,4	
47	2123210114	Huỳnh Ngọc Như Ý	05/05/2005	CCQ2321D		Y	7,4	6,9	7,1	
48	2123210087	Trần Thị Như Ý	31/08/2005	CCQ2321C		Y	8,1	7,9	8,0	
49	2122210145	Diệp Khả Yến	30/05/2004	CCQ2221F		Khayen	7,3	6,8	7,0	
50	2122270070	Đỗ Thị Ngọc Yến	23/09/2004	CCQ2227C		Yen	7,1	5,1	5,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Môn học: Anh văn 3 (22401630)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-28

A143
H.07

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

T. Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110357	Võ Vỹ Ân	06/12/2003	CCQ2311J			8,4	6,8	7,4	
2	2123200383	Nguyễn Hữu Nhất	12/04/2005	CCQ2320D			8,3	3,9	5,7	
3	2122130085	Trần Thị Phương	01/11/2004	CCQ2213C			7,3	7,3	7,3	
4	2121170160	Phạm Hữu Cuộc	29/03/2003	CCQ2117E			7,0	4,5	5,5	
5	2122050022	Mai Quang Đại	10/06/2004	CCQ2205A			6,0	4,6	5,2	
6	2123110355	Bùi Thị Hồng Gấm	19/04/2005	CCQ2311J			7,9	7,4	7,6	
7	2122120214	Nguyễn Thị Hà	31/08/2004	CCQ2212G			6,5	4,0	4,0	
8	2122260003	Nguyễn Thị Thu Hiền	29/09/2004	CCQ2226A			8,4	7,1	7,6	
9	2122030149	Huỳnh Trung Hiếu	01/01/2000	CCQ2203E			8,2	8,4	8,3	
10	2122120237	Nguyễn Thị Thanh Hồng	16/07/2004	CCQ2212G			7,6	7,4	7,5	
11	2122210007	Tạ Thị Thu Hồng	25/04/2003	CCQ2221A			7,1	5,0	5,8	
12	2121170512	Nguyễn Văn Hùng	05/02/2002	CCQ2117O			7,5	6,6	7,0	
13	2122030060	Nguyễn Hữu Khải	25/07/2004	CCQ2203B			8,8	8,6	8,7	
14	2122270023	Nguyễn Thị Nhật Kiều	29/09/2004	CCQ2227A			7,5	6,9	7,1	
15	2122130032	Trần Thị Thúy Kiều	07/02/2004	CCQ2213B			6,0	1,3	3,2	
16	2122100051	Nguyễn Ngọc Thanh Lam	25/02/2004	CCQ2210B			7,4	6,5	6,9	
17	2122260019	Nguyễn Thị Kim Liên	09/12/2004	CCQ2226A			8,5	5,7	6,8	
18	2123210012	Nguyễn Thị Kiều Linh	18/12/2005	CCQ2321A			7,9	4,9	6,1	
19	2123220072	Huỳnh Phước Lộc	19/12/2005	CCQ2322B			6,6	3,3	4,6	
20	2123210044	Nguyễn Thị Thanh Ly	01/07/2005	CCQ2321B			7,8	4,5	5,8	
21	2122120287	Bùi Thanh Ngân	19/01/2004	CCQ2212I			8,3	7,4	7,8	
22	2123220098	Dương Tôn Thái Ngọc	10/03/2005	CCQ2322C			8,2	7,6	7,8	
23	2121170371	Dương Ngô Trung Nguyên	24/04/2003	CCQ2117K			8,3	4,0	5,7	
24	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu Nhân	17/11/2004	CCQ2205A			6,0	2,3	3,8	
25	2123100067	Nguyễn Huỳnh Tâm Như	09/03/2005	CCQ2310B			8,2	6,1	6,9	
26	2123110102	Nguyễn Minh Quang	14/02/2005	CCQ2311C			6,7	7,0	6,9	
27	2122050135	Nguyễn Hoàng Quốc	08/03/2004	CCQ2205A			7,5	3,9	5,3	
28	2122130017	Đặng Thị Thanh Tâm	17/03/2004	CCQ2213A			6,0	2,5	3,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

130

T. Hoàng

Môn học: Anh văn 3 (22401630)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 50

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122120414	Hoàng Văn Tâm	19/08/2004	CCQ2212M			7,0	6,9	6,9	
30	2122120350	Nguyễn Ngọc Tâm	19/02/2004	CCQ2212K			8,3	6,7	7,3	
31	2122260155	Nguyễn Ngọc Thanh Tâm	16/06/2003	CCQ2226E			7,0	7,6	7,4	
32	2122260047	Trần Thị Tầm	27/03/2004	CCQ2226B			7,0	5,6	6,2	
33	2122170220	Hoàng Trọng Thân	26/01/2004	CCQ2217F			9,1	5,6	7,0	
34	2123110089	Nguyễn Thuận Thảo	21/09/2005	CCQ2311C			7,2	8,3	7,9	
35	2121170284	Nguyễn Phú Thịnh	29/08/2002	CCQ2117I			6,3	5,7	5,9	
36	2123120558	Lê Thị Mộng Thơ	19/07/2005	CCQ2312J			7,4	7,4	7,4	
37	2123120596	Đàm Thị Quỳnh Thư	23/10/2005	CCQ2312J			7,1	3,6	5,0	
38	2122210023	Ngô Thị Kiều Tiên	05/09/2004	CCQ2221A			7,2	5,3	6,1	
39	2123300081	Thái Thị Thuý Tiên	23/08/2005	CCQ2330C			9,0	7,0	7,8	
40	2123100024	Phạm Minh Tính	03/11/2003	CCQ2310A			6,4	5,4	5,8	
41	2122120217	Trần Thị Huyền Trâm	24/07/2003	CCQ2212G			7,2	7,4	7,3	
42	2122200042	Phạm Thanh Trụ	24/03/2004	CCQ2220B			5,8	4,6	5,1	
43	2122120258	Nguyễn Thị Kim Trúc	05/02/2004	CCQ2212H			6,9	6,7	6,8	
44	2123110363	Tôn Thất Tùng	13/02/2005	CCQ2311J			8,4	7,3	7,7	
45	2122200133	Đặng Phương Uyên	06/09/2004	CCQ2220D			6,2	2,0	3,7	
46	2123120536	Trương Khánh Uyên	14/01/2005	CCQ2312I			6,9	4,3	5,3	
47	2122200158	Nguyễn Công Vinh	25/08/2004	CCQ2220E			6,0	2,0	3,6	
48	2123120479	Ngô Thị Thảo Vy	19/12/2005	CCQ2312I			8,0	5,8	6,7	
49	2123120599	Nguyễn Thị Hải Yến	25/08/2005	CCQ2312J			7,6	8,8	8,3	
50	2122210125	Nguyễn Thị Kim Yến	29/05/2004	CCQ2221F			7,6	4,4	5,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401640)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 41

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123150067	Lê Nhật Anh	25/08/2005	CCQ2315B			9,3	7,6	8,3	
2	2122110381	Phan Tuấn Anh	17/10/2004	CCQ2211J			5,7	5,2	5,4	
3	2123150006	Lê Hữu Bằng	08/06/2005	CCQ2315A			7,5	5,0	6,0	
4	2123150030	Nguyễn Thành Đạt	17/08/2005	CCQ2315A			3,2	8,8	6,6	
5	2122210008	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	18/05/2004	CCQ2221A			8,8	8,1	8,4	
6	2122040011	Võ Sĩ Điền	09/06/2004	CCQ2204A			8,4	7,3	7,7	
7	2122180057	Võ Trương Đông	01/01/2004	CCQ2218B			8,4	7,8	8,0	
8	2122170288	Tổng Trường Hải	13/09/2004	CCQ2217H			1,8			
9	2123150020	Đoàn Hoàng Hiệp	12/11/2005	CCQ2315A			6,7	0	2,7	
10	2122210144	Nguyễn Lê Hoa	15/09/2004	CCQ2221D			7,1	3,6	5,0	
11	2123150045	Nguyễn Đức Hoà	07/09/2005	CCQ2315B			9,7	7,4	8,3	
12	2123150061	Nguyễn Nhật Hòa	21/05/2005	CCQ2315B			6,8	6,8	6,8	
13	2122060007	Nguyễn Xuân Hới	11/02/2000	CCQ2206A			6,1	6,0	6,0	
14	2123150007	Lê Thanh Huy	28/03/2005	CCQ2315A			7,7	4,0	5,5	
15	2123150003	Phạm Duy Khanh	07/05/2004	CCQ2315A			9,6	8,4	8,9	
16	2123150029	Trương Tuấn Kiệt	28/01/2005	CCQ2315A			10,0	9,4	9,6	
17	2122060028	Nguyễn Ngọc Lân	20/12/2004	CCQ2206A			9,0	8,2	8,5	
18	2122210036	Hồ Yến Linh	11/09/2004	CCQ2221A			9,3	7,3	8,1	
19	2122210016	Võ Ngọc Anh Linh	31/08/2004	CCQ2221A			8,4	4,4	6,0	
20	2122210079	Trần Thị Thanh Mai	09/11/2004	CCQ2221C			6,0	2,7	4,0	
21	2122100049	Phan Trịnh My	27/12/2004	CCQ2210B			8,3	6,4	7,2	
22	2122180054	Trần Văn Nam	03/08/2004	CCQ2218B			8,4	7,8	8,0	
23	2122260048	Phạm Thanh Ngân	13/01/2004	CCQ2226B			8,3	7,7	7,9	
24	2122120108	Nguyễn Bảo Hạnh Nhân	03/01/2002	CCQ2212D			5,0	7,9	6,7	
25	2123150014	Nguyễn Hồng Nhật	01/06/2005	CCQ2315A			8,0	5,8	6,7	
26	2122260032	Trương Yến Nhung	24/03/2004	CCQ2226A			5,5			
27	2122260008	Nguyễn Thị Kim Oanh	21/03/2004	CCQ2226A			7,5	8,9	8,3	
28	2122110567	Đỗ Dương Phi	11/05/2004	CCQ2211N			8,2	4,3	5,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401640)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 41

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

131

C. Văn

Ng. T. Văn P. V. M. Ng. H. Thanh Văn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123150013	Võ Hồng Phúc	30/11/2005	CCQ2315A			0,0			
30	2123140050	Hồ Nguyễn Đức	07/09/2005	CCQ2314B			0,0			
31	2122110140	Huỳnh Thanh	27/09/2004	CCQ2211D			4,8			
32	2123150016	Trần Ngọc	29/12/2005	CCQ2315A		Choi	6,0	3,5	4,5	
33	2122170402	Trần Đức	02/04/2004	CCQ2217J			2,0			
34	2123150042	Trần Thanh	14/06/2005	CCQ2315B		Thy	9,1	7,3	8,0	
35	2123150025	Khúc Văn	05/10/2005	CCQ2315A		200	8,0	7,0	7,4	
36	2122210066	Lê Nguyễn Thu	30/04/2004	CCQ2221B		Thy	9,6	7,0	8,0	
37	2123150053	Nguyễn Hữu	20/04/2005	CCQ2315B		TRI	9,3	7,8	8,4	
38	2123150080	Đỗ Văn	16/09/2005	CCQ2315B		Thy	9,9	8,6	9,1	
39	2123150017	Phạm Minh	17/01/2003	CCQ2315A		Thy	9,7	7,0	8,1	
40	2122040045	Phan Anh	29/08/2004	CCQ2204A		Thy	9,4	9,2	9,3	
41	2122110154	Hồ Thái	13/01/2004	CCQ2211D		Tuan	8,4	8,7	8,6	
42	2122170494	Huỳnh Ngọc	20/12/2004	CCQ2217M		Thy	7,6	5,5	6,3	
43	2123150018	Nguyễn Văn Anh	03/04/2005	CCQ2315A			0,0			
44	2123150024	Võ Anh	19/11/2005	CCQ2315A			6,6			
45	2123150049	Nguyễn Ngọc	26/01/2005	CCQ2315B		Thy	9,5	7,2	8,1	
46	2123150048	Vũ Khắc	22/08/2005	CCQ2315B		Thy	9,2	6,3	7,5	
47	2123150052	Trần Long	04/05/2005	CCQ2315B		Thy	9,1	6,0	7,2	
48	2122040042	Nguyễn Văn	06/05/2004	CCQ2204B		Thy	8,1	8,0	8,0	
49	2122170287	Nguyễn Ngọc	28/05/2004	CCQ2217H			2,1			
50	2122110161	Phạm Công	17/10/2003	CCQ2211D		Thy	7,5	8,8	8,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ: 37

H: 07

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401641)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 44

Số bài thi: 44

Số tờ giấy thi: 44

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122170214	Lê Văn Tuấn Anh	04/02/2004	CCQ2217F		anh	9,0	4,4	6.2	
2	2122110545	Nguyễn Xuân Bắc	10/12/2003	CCQ2211M		anh	8,2	4,5	6.0	
3	2122210124	Trần Thị Tuyết Băng	30/12/2004	CCQ2221D		bang	7,3	5,5	6.2	
4	2122170171	Võ Hoàng Gia Bảo	15/04/2004	CCQ2217E		ba	9,3	6,7	7.7	
5	2122130047	Nguyễn Thị Xuân Công	14/04/2004	CCQ2213B		cong	7,6	5,1	6.1	
6	2122180006	Cao Ngọc Cường	21/04/2003	CCQ2218A		cng	8,4	5,0	6.4	
7	2122120461	Trần Mai Hải Đăng	15/07/2004	CCQ2212N			6,0		2.4	
8	2122030072	Nguyễn Quốc Điền	07/10/2004	CCQ2203C		thien	8,0	4,2	5.7	
9	2122030103	Nguyễn Quốc Hiệp	01/01/2004	CCQ2203C		thiep	8,0	4,2	5.7	
10	2122170425	Lương Công Hoàng	24/05/2004	CCQ2217K		hoang	7,4	5,1	6.0	
11	2122170422	Nguyễn Hữu Mạnh Hùng	18/07/2004	CCQ2217K		hung	8,6	5,9	7.0	
12	2122120370	Trịnh Thị Hường	21/01/2004	CCQ2212K		huong	7,3	1,9	4.1	
13	2122170395	Nguyễn Tiến Hữu	25/12/2002	CCQ2217J		huu	7,3	1,7	3.9	
14	2122050083	Nguyễn Duy Khánh	30/11/2004	CCQ2205C		khah	8,0	3,4	5.2	
15	2122060040	Nguyễn Đăng Khoa	26/06/2004	CCQ2206B			0,0			Cấm thi
16	2122180012	Phạm Minh Kiệt	01/06/2004	CCQ2218A		ky	7,8	7,1	7.4	
17	2122130045	Hồ Thị Trúc Linh	21/08/2004	CCQ2213B		linh	7,3	7,3	7.3	
18	2122180004	Nguyễn Khánh Linh	03/07/2004	CCQ2218A		linh	8,0	1,5	4.1	
19	2122120504	Nguyễn Ngọc Thuý	27/09/2004	CCQ2212K			6,0		2.4	
20	2122270047	Lê Thị Hồng Loan	22/10/2004	CCQ2221C		loan	7,4	4,6	5.7	
21	2122210098	Văn Thị Tuyết Loan	10/03/2004	CCQ2221C		loan	7,8	4,3	5.7	
22	2122170441	Nguyễn Đại Lộc	10/11/2004	CCQ2217K		loc	8,2	6,0	6.9	
23	2122150067	Nguyễn Đức Lộc	23/10/2004	CCQ2215D		duc	8,0	5,3	6.4	
24	2122170478	Nguyễn Thành Long	12/10/2004	CCQ2217L		thanh	8,2	6,5	7.2	
25	2122150089	Trương Công Lý	28/09/2004	CCQ2215D		ly	8,0	3,8	5.5	
26	2122170177	Nguyễn Minh Mẫn	11/06/2004	CCQ2217E		minh	8,8	4,3	6.1	
27	2122260012	Đỗ Hoài Nam	29/03/2003	CCQ2226A		hoai	8,0	4,2	5.7	
28	2122180025	Nguyễn Trung Nhuận	08/12/2004	CCQ2218A		trung	8,3	4,8	6.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

132

C. Hồng

Môn học: Anh văn 3 (22401641)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 44...

Số bài thi: 44...

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122170414	Phạm An Phong	24/01/2004	CCQ2217K		<i>Phạm An</i>	8,1	3,3	5.2	
30	2122180014	Trần Thanh Phong	17/03/2004	CCQ2218A		<i>Phạm An</i>	8,1	1,7	4.3	
31	2122170799	Ngô Hồng Sơn	14/10/2004	CCQ2217LC			0,0	—	Cấm thi	
32	2122150038	Nguyễn Trí Tài	07/02/2004	CCQ2215B		<i>Tài</i>	7,4	5,0	6.0	
33	2122170168	Phạm Anh Tây	20/06/2004	CCQ2217E		<i>Phạm Anh</i>	9,6	4,9	6.8	
34	2122030102	Nguyễn Quốc Thắng	19/04/2004	CCQ2203G		<i>Thắng</i>	7,5	3,5	5.1	
35	2122170630	Nguyễn Văn Thành	25/08/2004	CCQ2217P			0,0	—	Cấm thi	
36	2122040008	Nguyễn Khương Thiên	09/02/2004	CCQ2204A			0,0	—	Cấm thi	
37	2122150064	Phan Chí Thiện	21/11/2004	CCQ2215D		<i>Phan Chí</i>	8,2	3,9	5.6	
38	2122170301	Trần Công Tín	25/02/2004	CCQ2217H		<i>Tín</i>	7,2	2,5	5.0	
39	2122170430	Nguyễn Tấn Toàn	21/01/2004	CCQ2217K		<i>Toàn</i>	7,0	0,0	2.8	
40	2122190058	Phan Thị Thanh Trâm	28/09/2004	CCQ2219B		<i>Trâm</i>	8,2	1,8	4.4	
41	2122170423	Nguyễn Minh Trí	03/02/2004	CCQ2217K		<i>Trí</i>	8,0	0,4	3.4	
42	2122150092	Châu Thanh Trọng	22/08/2004	CCQ2215D		<i>Trọng</i>	8,0	6,0	6.8	
43	2122050085	Nguyễn Thành Trung	22/11/2004	CCQ2205C		<i>Trung</i>	7,6	4,0	5.4	
44	2122170205	Nguyễn Văn Trường	10/07/2004	CCQ2217F		<i>Trường</i>	8,8	4,4	6.2	
45	2122170197	Trần Phan Anh Tuấn	23/09/2004	CCQ2217E		<i>Tuấn</i>	9,5	7,0	8.0	
46	2122040002	Lê Văn	05/11/2004	CCQ2204A		<i>Lê Văn</i>	6,5	4,5	5.3	
47	2122260046	Phạm Thị Tường Vi	19/06/2004	CCQ2226B		<i>Vi</i>	8,1	4,6	6.0	
48	2122050105	Nguyễn Quốc Việt	11/03/2004	CCQ2205D		<i>Việt</i>	9,2	4,5	6.4	
49	2122050103	Trần Anh Vũ	08/05/2004	CCQ2205D		<i>Anh Vũ</i>	9,3	5,0	6.7	
50	2122030084	Đặng Ngọc Vương	12/08/2004	CCQ2203G		<i>Vương</i>	6,1	4,0	5.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

A: 43
H: 06

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401632)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 44

Số bài thi: 1

Số tờ giấy thi: 1

133

T.Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122190007	Trương Ngọc Thủy Ân	15/04/2004	CCQ2219A		Thủy Ân	10,0	8,3	9,0	
2	2123110387	Nguyễn Trần Thái Bảo	20/06/2005	CCQ2311K		Bảo	9,5	6,2	7,5	
3	2122190005	Nguyễn Thị Kim Đài	20/01/2004	CCQ2219A		Kim Đài	10,0	6,8	8,1	
4	2122260066	Phạm Ngọc Kiều Diễm	01/06/2004	CCQ2226B		Diễm	6,9	5,1	5,8	
5	2122150077	Nguyễn Duy Đông	15/07/2004	CCQ2215C		Đông	9,2	5,6	7,0	
6	2122120204	Hồ Văn Dũng	17/10/2004	CCQ2212G			0,0			
7	2122050128	Nguyễn Xuân Dương	01/01/2004	CCQ2205D		Dương	9,1	5,6	7,0	
8	2122100201	Lê Thị Thu Hà	29/01/2004	CCQ2210F		Hà	8,5	4,3	6,0	
9	2122150065	Nguyễn Ngọc Hải	28/12/2004	CCQ2215C		Hải	9,3	7,3	8,1	
10	2122120127	Đỗ Minh Hậu	20/09/2004	CCQ2212D			0,0			
11	2122270075	Nguyễn Thị Hoa	24/05/2004	CCQ2227C		Hoa	4,7	6,8	6,0	
12	2122030145	Lê Đức Hoàng	05/07/2004	CCQ2203E		Hoàng	7,8	4,9	6,1	
13	2122120451	Trương Việt Hoàng	14/04/2004	CCQ2212M		Hoàng	8,4	4,1	5,8	
14	2122030217	Nguyễn Văn Hưng	25/03/2004	CCQ2203F		Hưng	7,1	3,5	4,9	
15	2122170661	Uông Đông Hưng	08/03/2001	CCQ2217Q		Hưng	8,2	6,0	6,9	
16	2122060057	Nguyễn Nhất Huy	06/03/2004	CCQ2206B		Huy	7,8	5,4	6,4	
17	2122120428	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	13/07/2004	CCQ2212LA		Huyền	7,1	3,1	4,7	
18	2122100182	Nguyễn Thị Thanh Huyền	28/09/2004	CCQ2210F		Huyền	9,2	7,1	7,9	
19	2122120509	Đỗ Duy Khang	20/08/2004	CCQ2212M		Khang	7,9	6,3	6,9	
20	2122170619	Phạm Khiêm	22/02/2004	CCQ2217P		Khiêm	9,4	8,1	8,6	
21	2122110362	Bùi Duy Kiên	10/09/2004	CCQ2211J		Kiên	7,9	6,0	6,8	
22	2122030167	Trương Anh Kiệt	15/09/2004	CCQ2203E		Kiệt	7,3	6,0	6,5	
23	2122110089	Cao Sơn Lâm	16/08/2000	CCQ2211C		Lâm	7,7	1,0	3,7	
24	2122170042	Dương Văn Lợi	17/01/2004	CCQ2217B		Lợi	8,7	5,6	6,8	
25	2122170623	Lê Đức Mạnh	03/04/2004	CCQ2217P		Mạnh	8,3	8,1	8,2	
26	2122170352	Võ Văn Minh	02/02/2004	CCQ2217I		Minh	7,8	4,5	5,8	
27	2122210030	Nguyễn Huỳnh Chi Mỹ	01/06/2004	CCQ2221A		Mỹ	8,5	7,0	7,6	
28	2122100331	Nguyễn Thị Thuý Nga	12/02/2004	CCQ2210F		Nga	9,6	7,4	8,3	

133

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

T. Tuấn

Môn học: Anh văn 3 (22401632)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 419

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123060210	Ngọc Văn	Nghị	01/04/2005	CCQ2306A	ngô	7,4	7,6	7,5	
30	2122120445	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	19/10/2004	CCQ2212M	Ngo	7,5	1,0	3,6	
31	2122110133	Ứng Kim	Ngọc	06/01/2004	CCQ2210F	Ngoc	8,7	1,0	4,1	
32	2122110501	Nguyễn Lục Song	Nguyễn	26/09/2004	CCQ2211H	nguy	9,9	8,6	9,1	
33	2122170358	Điền	Nhân	19/06/2004	CCQ2217I	cl/nhu	9,3	8,5	8,8	
34	2122120323	Nguyễn Thành	Nhân	06/12/2003	CCQ2212J	nhân	6,5	6,0	6,2	
35	2123300046	Nguyễn Huỳnh	Như	12/11/2005	CCQ2330B	nguy	10,0	8,1	8,9	
36	2122100319	Phạm Ngọc Mỹ	Nhung	03/10/2004	CCQ2210A	có nu	10,0	8,0	8,8	
37	2123110432	Võ Văn	Phúc	31/10/2005	CCQ2311K	luc	9,2	7,0	7,9	
38	2122110312	Mai Vũ	Quốc	19/06/2003	CCQ2211H	Quốc	9,0	6,3	7,4	
39	2122170632	Lê Lý	Quyền	23/10/2004	CCQ2217P	quy	7,8	6,4	7,0	
40	2122170289	Phạm Ngọc	Sum	22/04/2004	CCQ2217H	g	7,7	6,4	6,9	
41	2122220020	Trần Thị Thu	Sương	07/01/2004	CCQ2222A	TP	9,8	3,5	6,0	
42	2122190161	Phạm Duy	Tân	12/01/2004	CCQ2219C	tan	8,8	6,4	7,4	
43	2122190010	Trần Thị Hồng	Thắm	03/12/2004	CCQ2219A	thuc	9,2	7,0	7,9	
44	2122110516	Lê Đình	Thắng	21/06/2004	CCQ2211L	thua	9,6	8,5	8,9	
45	2122170703	Trần Hoài	Thanh	25/01/2003	CCQ2217R		0,0			
46	2122150059	Nguyễn Tấn	Thành	16/05/2004	CCQ2215D	Thành	8,0	6,4	7,0	
47	2122170536	Đào Huỳnh Xuân	Thiện	21/08/2004	CCQ2205D		0,0			
48	2122170118	Lê Nguyễn Trường	Thịnh	22/02/2004	CCQ2217C	tho	8,6	6,1	7,1	
49	2122170074	Nguyễn Quốc	Thuận	23/05/2004	CCQ2217B		0,0			
50	2122270076	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	19/02/2004	CCQ2227C	thua	3,9	6,6	5,5	
51	2122100237	Lê Thị Công	Tính	24/07/2004	CCQ2210G		0,0			
52	2122120463	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	09/11/2003	CCQ2212N	tr	7,8	6,5	7,0	
53	2122120572	Nguyễn Hồng	Trang	05/05/2004	CCQ2212P		0,0			
54	2122120497	Nguyễn Thị Thuý	Trang	25/10/2004	CCQ2212G	Trang	7,6	2,7	4,7	
55	2122180010	Hà Hữu	Truyền	13/05/2002	CCQ2218A		0,0			
56	2122260054	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	07/05/2004	CCQ2226B	tu	9,0	5,0	6,6	

133

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

T. Tuấn

Môn học: Anh văn 3 (22401632)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 15

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
57	2123110402	Nguyễn Huỳnh Khánh Vy	03/04/2005	CCQ2311K			9,7	8,0	8,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

A: 46
H: 4

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]* Cán bộ coi thi 2: *[Signature]* G.Viên chấm thi 1: *[Signature]* G.Viên chấm thi 2: *[Signature]*

134

C.Linh

Môn học: Anh văn 3 (22401634)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 50

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Chi chú
1	2123120586	Bùi Công Anh	22/05/2005	CCQ2312J	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	7,6	3,3	5,0	
2	2123120574	Nguyễn Thị Lan Anh	25/12/2005	CCQ2312J	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	5,6	8,1	7,1	
3	2123120469	Nông Thị Quế Anh	26/03/2004	CCQ2312I	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	7,6	7,7	7,7	
4	2123120533	Trần Nguyễn Quốc Bảo	07/02/2004	CCQ2312I		<i>[Signature]</i>	6,2	6,8	6,6	
5	2123120604	Huỳnh Kim Cương	05/04/2005	CCQ2312J			0,0			
6	2122170406	Nguyễn Hữu Đạt	19/11/2004	CCQ2217K		<i>[Signature]</i>	9,0	5,2	6,7	
7	2122140063	Phan Đức Đạt	10/04/2004	CCQ2214B		<i>[Signature]</i>	8,0	6,5	7,1	
8	2123120603	Nguyễn Tấn Dũng	13/12/2005	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	8,4	7,5	7,9	
9	2123120573	Nguyễn Quốc Duy	24/06/2005	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	6,2	4,9	5,4	
10	2122170412	Lê Anh Vin Em	30/10/2003	CCQ2217K		<i>[Signature]</i>	8,9	4,1	6,0	
11	2123100134	Phan Thị Mỹ Hằng	07/12/2005	CCQ2310D		<i>[Signature]</i>	6,7	4,0	5,1	
12	2123120602	Hoàng Thị Hồng Hiệp	28/05/2005	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	7,9	8,6	8,3	
13	2123110095	Phan Phước Hiếu	25/09/2005	CCQ2311C		<i>[Signature]</i>	8,0	8,0	8,0	
14	2123120559	Trần Trung Hiếu	13/04/2004	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	6,0	5,2	5,5	
15	2122170526	Nguyễn Quốc Hiệu	14/09/2004	CCQ2217N		<i>[Signature]</i>	7,0	4,2	5,3	
16	2122110284	Trần Lê Hưng	27/08/2004	CCQ2211H		<i>[Signature]</i>	7,5	4,5	5,7	
17	2123120614	Nguyễn Phúc Trường Huy	02/05/2005	CCQ2312I		<i>[Signature]</i>	8,2	6,8	7,4	
18	2123120600	Bùi Thanh Khải	02/01/2005	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	8,5	9,1	8,9	
19	2123120470	Nguyễn Ngọc Bích Kiều	28/10/1997	CCQ2312I		<i>[Signature]</i>	3,8	6,0	5,1	
20	2122170218	Trần Thanh Lâm	04/01/2004	CCQ2217F		<i>[Signature]</i>	4,5	4,7	4,6	
21	2122120126	Nguyễn Thị Ngọc Lan	08/11/2004	CCQ2212D		<i>[Signature]</i>	4,8	6,0	5,5	
22	2122140010	Nguyễn Văn Lan	17/06/2004	CCQ2214A		<i>[Signature]</i>	8,0	5,2	6,3	
23	2123120541	Nguyễn Thị Huỳnh Lê	21/05/2005	CCQ2312I		<i>[Signature]</i>	6,0	6,8	6,5	
24	2123120519	Bùi Khánh Linh	02/09/2005	CCQ2312I		<i>[Signature]</i>	4,9	4,0	4,4	
25	2123120556	Phan Hoàng Tuyết Loan	27/09/2005	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	7,7	5,6	6,4	
26	2123120589	Lý Lê Tài Lộc	01/04/2005	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	8,3	7,1	7,6	
27	2122170509	Nguyễn Đình Hoàng Long	26/03/2004	CCQ2217M			0,0			
28	2123120535	Lê Thị Trúc Mai	03/12/2005	CCQ2312I		<i>[Signature]</i>	7,0	7,0	7,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]* Cán bộ coi thi 2: *[Signature]* G.Viên chấm thi 1: *[Signature]* G.Viên chấm thi 2: *[Signature]*

Môn học: Anh văn 3 (22401634)

Ngày thi: 21/02/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 50

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122030058	Lê Minh	18/06/2004	CCQ2203B		<i>[Signature]</i>	8,7	7,3	7,9	
30	2123120605	Nguyễn Thị Trà My	03/04/2005	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	8,2	8,1	8,1	
31	2122070037	Trịnh Quang	26/03/2003	CCQ2207B		<i>[Signature]</i>	5,2	5,0	5,1	
32	2123120593	Phạm Hà Thảo	20/06/2005	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	7,7	5,3	6,3	
33	2123120583	Trần Lê Quỳnh	25/10/2005	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	4,5	4,5	4,5	
34	2123120521	Nguyễn Phạm Kiều Oanh	08/04/2005	CCQ2312I		<i>[Signature]</i>	7,9	8,1	8,0	
35	2123120475	Đoàn Minh Phụng	16/04/2002	CCQ2312I		<i>[Signature]</i>	5,4	8,0	7,0	
36	2122270004	Đàm Thị Trúc	16/10/2004	CCQ2227A		<i>[Signature]</i>	7,5	8,8	8,3	
37	2123220020	Lê Thanh Phương	21/03/2005	CCQ2322A		<i>[Signature]</i>	8,1	8,1	8,1	
38	2122170515	Trương Hoài Phương	16/05/2004	CCQ2217M			0,8			
39	2123300104	Nguyễn Thị Lan Thanh	06/10/2005	CCQ2330C		<i>[Signature]</i>	8,3	8,5	8,4	
40	2123120598	Hồ Phương Thảo	10/10/2005	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	6,8	8,1	7,6	
41	2122120338	Huỳnh Ngọc Thiện	30/10/2004	CCQ2212J		<i>[Signature]</i>	7,8	4,5	5,8	
42	2123120529	Lê Thị Kim Thoa	05/04/2005	CCQ2312I		<i>[Signature]</i>	7,7	9,0	8,5	
43	2123120579	Lê Minh Thư	01/12/2005	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	8,4	8,2	8,3	
44	2123120580	Trương Kim Thư	02/01/2005	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	8,6	8,1	8,3	
45	2122050021	Phạm Văn Thiện Thuật	19/01/2001	CCQ2205A		<i>[Signature]</i>	6,9	4,5	5,5	
46	2123100128	Lê Thị Thuý	01/03/2005	CCQ2310D		<i>[Signature]</i>	6,3	7,5	7,0	
47	2123120551	Lê Thị Thủy	11/07/2004	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	6,1	7,6	7,0	
48	2123120530	Lê Thị Cẩm Tiên	30/10/2005	CCQ2312I		<i>[Signature]</i>	8,3	6,8	7,4	
49	2122040033	Thiều Văn Tiến	12/06/2004	CCQ2204A		<i>[Signature]</i>	7,5	4,1	5,5	
50	2122170530	Nguyễn Ngọc Tịnh	05/05/2004	CCQ2217N			0,6			
51	2122170511	Lê Văn Tuấn	09/03/2004	CCQ2217M			0,8			
52	2123120595	Nguyễn Thị Thu Vân	05/09/2005	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	5,0	8,4	7,0	
53	2123120477	Nguyễn Hồng Vy	28/11/2005	CCQ2312I		<i>[Signature]</i>	5,1	3,6	4,2	
54	2123120597	Phạm Nguyễn Hà Vy	14/04/2005	CCQ2312J		<i>[Signature]</i>	8,9	9,1	9,0	
55	2123120553	Nguyễn Đình Trường Như Ý	10/07/2005	CCQ2312J			0,0			
56	2123120514	Nguyễn Ngọc Yến	21/09/2005	CCQ2312I		<i>[Signature]</i>	7,7	4,6	5,8	

144

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

H: 05
Đ: 40

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401604)

Ngày thi: 22/02/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 45

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122110249	Nguyễn Võ An	29/12/2004	CCQ2211G		Có thi	8,5	7,2	7,7	
2	2121170038	Thạch Đức An	07/12/2003	CCQ2117B		Có thi	5,6	4,8	5,2	
3	2121170404	Nguyễn Hữu Hồng Anh	31/08/2003	CCQ2117L		Có thi	8,4	4,1	5,8	
4	2121170006	Nguyễn Hải Bằng	25/12/2003	CCQ2117A			4,7	0	1,9	
5	2122170348	Trần Đoàn Ngọc Bền	08/10/2004	CCQ2217I		Có thi	9,2	5,4	6,9	
6	2123110259	Tô Thị Mai Chi	16/11/2005	CCQ2311H		Có thi	8,9	0	3,6	
7	2121200055	Nguyễn Chí Điền	18/05/2003	CCQ2120B		Có thi	8,1	5,5	6,5	
8	2123110226	Nguyễn Tuấn Vũ Duy	12/10/2005	CCQ2311G		Có thi	8,4	9,5	9,1	
9	2123110252	Văn Thị Ngọc Hằng	18/03/2005	CCQ2311H		Có thi	8,2	0	3,3	
10	2123110285	Hoàng Thanh Hồng	01/10/2005	CCQ2311H		Có thi	9,3	5,3	6,9	
11	2122050077	Nguyễn Công Hưng	12/12/2004	CCQ2205C		Hưng	7,8	4,5	5,8	
12	2123110217	Nguyễn Đức Huy	17/07/2005	CCQ2311G		Huy	8,5	8,5	8,5	
13	2122120205	Huỳnh Mỹ Liên	16/05/2004	CCQ2212G		Liên	8,2	3,2	5,2	
14	2123110476	Trịnh Phương Linh	25/04/2005	CCQ2311H		Linh	8,9	9,5	9,3	
15	2122260037	Phan Thị Ngọc Loan	11/04/2004	CCQ2226B		Loan	7,0	3,2	4,7	
16	2122110269	Trương Minh Mẫn	01/11/2004	CCQ2211G		Mẫn	8,2	5,0	6,3	
17	2123110241	Hồ Công Minh	07/07/2005	CCQ2311G		Minh	8,6	2,6	5,0	
18	2121170583	Hồ Văn Nam	27/11/2003	CCQ2117Q		NAM	7,6	8,4	8,1	
19	2122170330	Nguyễn Phương Nam	11/10/2004	CCQ2217I		Có thi	9,1	5,6	7,0	
20	2122050075	Nguyễn Đình Ngọc	12/10/2003	CCQ2205C		Ngọc	8,1	1,6	4,2	
21	2123110280	Thân Trường Nhận	13/08/2005	CCQ2311H		Nhận	8,6	5,1	6,5	
22	2123110244	Giang Minh Nhật	22/04/2004	CCQ2311G		Nhật	7,0	7,0	7,0	
23	2121170396	Huỳnh Thiện Phúc	08/12/2003	CCQ2117L		Phúc	8,2	4,4	5,9	
24	2123110256	Lê Đức Phúc	07/06/2005	CCQ2311H		Phúc	5,0	2,5	3,5	
25	2123110223	Nguyễn Huỳnh Phúc	12/10/2004	CCQ2311G		Phúc	8,5	7,5	7,9	
26	2123110236	Trần Hữu Phước	19/07/2005	CCQ2311G		Phước	8,1	8,7	8,5	
27	2123110046	Lê Võ Nhật Pin	24/09/2005	CCQ2311B		Pin	5,7	9,0	7,7	
28	2123110273	Nguyễn Hữu Quang	15/08/2005	CCQ2311H		Quang	8,6	5,3	6,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

144

C.Thủy

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401604)

Ngày thi: 22/02/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 45

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Quốc	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123110038	Nguyễn Anh	Quốc	18/03/2003	CCQ2311B		Quốc	5,7	8,6	7,4	
30	2122120331	Phan Thị Như	Quỳnh	03/03/2004	CCQ2212J		Phan Thị Như	8,3	3,5	5,4	
31	2122120557	Võ Thị Thu	Quỳnh	08/04/2004	CCQ2212P			0,0			
32	2121170405	Phạm Văn	Sang	27/09/2003	CCQ2117L		Sang	6,7	6,7	6,7	
33	2123110219	Tạ Văn Hoài	Sung	01/04/2005	CCQ2311G		Tạ Văn Hoài	8,3	7,0	7,5	
34	2123110272	Ngô Văn	Tài	15/12/2004	CCQ2311H		Ngô Văn Tài	8,1	3,0	5,0	
35	2122120517	Nguyễn Minh	Tân	02/09/2003	CCQ2212N		Nguyễn Minh	8,8	7,0	7,7	
36	2122110248	Phạm Trần Xuân	Tân	12/10/2004	CCQ2211G		Phạm Trần Xuân	8,7	7,5	8,0	
37	2123110245	Phạm Minh	Thân	17/01/2005	CCQ2311G		Phạm Minh	8,1	6,1	6,9	
38	2123110284	Tạ Vũ Chiến	Thắng	12/02/2005	CCQ2311H		Tạ Vũ Chiến	9,5	4,8	6,7	
39	2121170004	Nguyễn Quang	Thành	05/02/2003	CCQ2117A			0,0			
40	2123110228	Phạm Thị Cẩm	Tiên	03/03/2005	CCQ2311G		Phạm Thị Cẩm	8,8	9,4	9,2	
41	2121170411	Nguyễn Huỳnh Diễm	Tín	10/10/2003	CCQ2117L		Nguyễn Huỳnh Diễm	8,2	3,0	5,1	
42	2123110523	Nguyễn Thị Huyền	Trang	10/08/2005	CCQ2311G			0,0			
43	2123110251	Nguyễn Thanh	Trúc	25/11/2005	CCQ2311H		Nguyễn Thanh	8,7	4,2	6,0	
44	2123110227	Nguyễn Đức	Trung	26/11/2005	CCQ2311G		Nguyễn Đức	7,8	7,5	7,6	
45	2121260116	Võ Hoàng	Trung	18/11/2003	CCQ2126D		Võ Hoàng	7,1	5,0	5,8	
46	2121170413	Lê Anh	Tuấn	01/04/2003	CCQ2117L			0,0			
47	2122120492	Nguyễn Tường	Vi	22/02/2004	CCQ2212F		Nguyễn Tường	8,7	8,0	8,3	
48	2123110462	Nguyễn Hoàng	Vĩ	09/09/2005	CCQ2311G		Nguyễn Hoàng	6,8	4,5	5,4	
49	2121170406	Trần Hữu	Vinh	25/01/2003	CCQ2117L		Trần Hữu	6,5	4,0	5,0	
50	2123110231	Nguyễn Tuấn	Vũ	12/12/2005	CCQ2311G		Nguyễn Tuấn	8,3	8,7	8,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

145

C. Châu

Môn học: Anh văn 3 (22401613)

Ngày thi: 22/02/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 44

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122120565	Nguyễn Đình Quốc An	09/01/2004	CCQ2212P			6,2	4,5	5,2	
2	2122110319	Phan Bảo An	11/04/2004	CCQ2211H			8,4	6,6	7,3	
3	2122170569	Trần Bảo	02/09/2004	CCQ2217O			8,0	4,0	5,6	
4	2122120224	Nông Thị Thanh Bình	19/09/2003	CCQ2212G			8,6	7,3	7,8	
5	2122110399	Lê Thị Linh Chi	30/08/2004	CCQ2211K			8,5	6,0	7,0	
6	2122150090	Nguyễn Văn Chương	17/04/2004	CCQ2215C			8,6	6,4	7,3	
7	2122030078	Võ Thanh Danh	29/10/2004	CCQ2203C			8,5	4,3	6,0	
8	2122140026	Mai Tấn Đạt	30/01/2004	CCQ2214A			7,9	0,0	3,2	
9	2122170514	Trần Ngọc Đạt	11/07/2004	CCQ2217M			8,8	7,4	8,0	
10	2122030241	Lâm Ngọc Dẫn	16/02/2004	CCQ2203D			7,9	3,7	5,4	
11	2122170404	Lưu Hải Dương	15/07/2004	CCQ2217J			8,3	6,7	7,3	
12	2122120279	Nguyễn Lê Thanh Hà	09/03/2004	CCQ2212I			1,3			
13	2122140056	Phạm Quý Hải	03/10/2004	CCQ2214B			0,0	Cấm thi		
14	2122270085	Đinh Thị Ngọc Hậu	04/07/2004	CCQ2227C			0,0	Cấm thi		
15	2122150023	Nguyễn Quốc Hoài	08/01/2004	CCQ2215A			7,9	4,9	6,1	
16	2122120378	Dương Thị Hồng	11/08/2004	CCQ2212L			9,0	8,2	8,5	
17	2122150045	Nguyễn Tấn Huy	24/01/2004	CCQ2215C			8,3	3,7	5,5	
18	2122130081	Nguyễn Ngọc Khoa Khai	09/03/2004	CCQ2212D			5,7	4,5	5,0	
19	2122260051	Văng Thị Hồng Lam	13/10/2003	CCQ2226B			8,9	6,5	7,5	
20	2122110286	Nguyễn Trương Thành Long	25/10/2004	CCQ2211H			8,5	7,1	7,7	
21	2122120271	Đặng Thị My Na	03/08/2003	CCQ2212H			7,9	2,0	4,4	
22	2122050076	Lương Văn Nhân	20/02/2004	CCQ2205C			7,8	0,0	3,1	
23	2122030157	Nguyễn Quang Nhật	07/10/2004	CCQ2203E			0,0	Cấm thi		
24	2122100344	Nguyễn Thị Thảo Nhi	31/01/2004	CCQ2210I			7,1	3,5	4,9	
25	2122200102	Phạm Ngọc Uyên Nhi	21/06/2004	CCQ2220C			6,1	5,3	5,6	
26	2122170440	Lục Đình Vĩnh Phong	27/11/2004	CCQ2217K			8,3	4,3	5,9	
27	2121110003	Trần Thanh Sang	06/03/2003	CCQ2111A			0,0			
28	2122170152	Đinh Thế Sơn	09/11/2004	CCQ2217D			8,1	0,7	3,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

145

C. Châu

Môn học: Anh văn 3 (22401613)

Ngày thi: 22/02/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt:

Số bài thi: ...

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1: Cán bộ coi thi 2: G. Viên chấm thi 1: G. Viên chấm thi 2:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122110075	Đặng Phước Tài	17/04/2004	CCQ2211B		Tài	9,0	7,8	8,3	
30	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài Tấn	11/06/2004	CCQ2215B		Tan	9,0	7,1	7,9	
31	2122170597	Hà Văn Thanh Thái	22/06/2003	CCQ2217O		Tha	8,4	2,5	4,9	
32	2122100412	Bùi Thị Minh Thông	01/01/2003	CCQ2210K		Thong	9,3	7,9	8,5	
33	2122200103	Trần Thị Thanh Thương	05/03/2004	CCQ2220C		Thuong	6,9	3,1	4,6	
34	2122100316	Lê Thị Thủy	14/10/2002	CCQ2210A		Thuy	8,7	4,0	5,9	
35	2122170298	Đặng Ngọc Tiên	01/07/2004	CCQ2203H			0,0			Cần thi
36	2122110551	Lê Thị Mỹ Tiên	18/06/2004	CCQ2211M		Ti	5,0	5,0	5,0	
37	2122170187	Nguyễn Văn Tiến	13/10/2004	CCQ2217E		Tien	8,2	5,4	6,5	
38	2122170302	Võ Đình Tiến	24/02/2003	CCQ2217H		Tien	6,7	0,0	2,7	
39	2122140014	Hà Trung Tín	13/10/2004	CCQ2214A		Tin	8,4	7,2	7,7	
40	2122140037	Huỳnh Trọng Tinh	06/05/2004	CCQ2214B		Tinh	8,1	3,2	5,2	
41	2122260055	Đoàn Thị Ngọc Trâm	06/11/2004	CCQ2226B		ngtram	8,1	5,7	6,7	
42	2122260017	Dương Ngọc Bảo Trân	22/04/2004	CCQ2226A		Tran	7,2	8,8	8,2	
43	2122100171	Quách Thu Trang	14/08/2004	CCQ2210E		Trang	8,1	6,5	7,1	
44	2122170646	Trịnh Trọng Trí	09/02/2004	CCQ2217P		Tri	8,6	3,3	5,4	
45	2122210140	Bùi Văn Ty	20/11/2004	CCQ2221F		Ty	6,7	3,6	4,8	
46	2122190053	Nguyễn Phạm Hồng Hạ Uyên	17/11/2004	CCQ2219B		Hu	8,8	7,7	8,1	
47	2122260103	Lê Thị Hồng Vân	17/03/2004	CCQ2226D		Van	8,4	3,1	5,2	
48	2122170510	Trương Đình Việt	19/03/2004	CCQ2217M		Vi	8,4	5,3	6,5	
49	2122110368	Dương Sĩ Vinh	01/06/2004	CCQ2211J		Vinh	7,0	5,2	5,9	
50	2122110153	Hoàng Thạch Vy	28/07/2003	CCQ2211D		Vy	8,6	6,5	7,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Đ: 47
+! 03

146

C.Thảo

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401628)

Ngày thi: 22/02/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123210022	Cao Ngọc Thúy An	08/05/2005	CCQ2321A		ghe	6,7	7,4	7,1	
2	2123210043	Nguyễn Thiện Ân	24/05/2005	CCQ2321B		h	8,4	7,0	7,6	
3	2123200641	Lý Hoàng Thư Anh	30/09/2005	CCQ2320G		h	6,7	8,4	7,7	
4	2123210004	Nguyễn Đỗ Hoàng Anh	24/06/2000	CCQ2321A		h	9,3	8,5	8,8	
5	2123210068	Trịnh Thị Lan Anh	08/09/2005	CCQ2321B		anh	7,8	7,4	7,6	
6	2122200112	Nguyễn Thị Kim Ánh	03/07/2003	CCQ2220D		ánh	8,5	7,1	7,7	
7	2123210051	Phạm Thái Bảo	28/11/2005	CCQ2321B		Bảo	8,7	7,2	7,8	
8	2123210002	Bùi Thị Thùy Dương	07/02/2004	CCQ2321A		Dương	6,9	7,3	7,1	
9	2123210029	Vũ Dương Hồng Duyên	11/11/2005	CCQ2321A		Duyên	8,2	6,2	7,0	
10	2123210028	Nguyễn Hương Giang	21/10/2005	CCQ2321A		Giang	8,6	7,5	7,9	
11	2123200654	Nguyễn Thị Hoa	13/01/2004	CCQ2320G		h	6,4	8,1	7,4	
12	2123210037	Đỗ Thị Như Hoài	27/01/2005	CCQ2321B		hoài	7,1	6,2	6,6	
13	2123210049	Nguyễn Mỹ Hoàng	19/12/2005	CCQ2321B		M.Hoàng	8,7	8,8	8,8	
14	2123210030	Nguyễn Tấn Hoàng	17/08/2005	CCQ2321A		hoàng	7,2	3,6	5,0	
15	2123200651	Phạm Kim Huệ	05/06/2005	CCQ2320G		h	7,5	6,2	6,7	
16	2122170481	Hồ Tấn Hưng	18/07/2004	CCQ2222A		h	5,2	0	2,1	
17	2121030037	Lê Văn Hưng	19/10/2003	CCQ2103B		h	5,6	5,4	5,5	
18	2123210013	Nguyễn Thị Diễm Hương	29/12/2005	CCQ2321A		h	8,1	4,6	6,0	
19	2123210025	Nguyễn Thị Ý Hương	09/12/2005	CCQ2321A		h	8,5	7,8	8,1	
20	2123210026	Phạm Thị Thanh Hương	31/05/2005	CCQ2321A		h	8,9	8,0	8,4	
21	2123210020	Nguyễn Bảo Khang	05/04/2005	CCQ2321A		kh	6,3	5,0	5,5	
22	2122030006	Trần Vũ Khang	28/09/2004	CCQ2203A		h	7,1	8,5	7,9	
23	2123210058	Ngô Chí Khanh	16/07/2005	CCQ2321B		h	7,2	5,8	6,4	
24	2123210032	Lê Tuấn Kiệt	03/07/2005	CCQ2321A		h	7,4	8,8	8,2	
25	2123210033	Trần Thị Mộng Kiều	25/09/2005	CCQ2321A		h	6,7	5,0	5,7	
26	2122120248	Trần Thị Lài	16/03/2004	CCQ2212H		h	8,3	7,8	8,0	
27	2123210109	Huỳnh Thị Trúc Linh	10/08/2005	CCQ2321A		h	6,8	5,0	5,7	
28	2122170255	Đoàn Kim Mạnh Long	24/01/2004	CCQ2226B		long	5,9	0	2,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

146

C.Thảo

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401628)

Ngày thi: 22/02/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 50

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123180068	Lê Văn Lương	20/03/2005	CCQ2318B		Lương	7,6	0	3,0	
30	2123100018	Nguyễn Thị Lý	20/11/2005	CCQ2310A		Lý	6,1	8,0	7,2	
31	2121170470	Phạm Minh Mẫn	17/09/2002	CCQ2117N		Mẫn	5,8	5,4	5,4	
32	2123210001	Hoàng Cẩm Ngân	11/10/2004	CCQ2321A		Ngân	6,3	5,0	5,5	
33	2123210027	Trịnh Ngọc Thanh Ngân	23/12/2005	CCQ2321A		Thanh	8,5	8,0	8,2	
34	2123210061	Nguyễn Như Ngọc	14/03/2005	CCQ2321B		Như	8,6	8,6	8,6	
35	2123210050	Trần Minh Ngọc	28/01/2005	CCQ2321B		Minh	7,7	4,8	6,0	
36	2123100131	Nguyễn Thị Yến Nhi	28/03/2004	CCQ2310D		Nhi	7,5	8,4	8,0	
37	2122100206	Trần Thị Huỳnh Như	26/05/2004	CCQ2210F		Như	7,0	6,4	6,6	
38	2122100207	Nguyễn Trinh Nữ	14/04/2004	CCQ2210F		Trinh	6,9	5,5	6,1	
39	2123210034	Lương Thu Phương	09/09/2003	CCQ2321A		Thu	8,6	7,3	7,8	
40	2121170605	Lâm Thành Tâm	29/10/2003	CCQ2117R		Tâm	5,6	5,6	5,6	
41	2121170474	Trần Hữu Thắng	11/11/2003	CCQ2117N		Thắng	5,8	5,4	5,9	
42	2123210023	Nguyễn Thị Kim Thảo	13/09/2005	CCQ2321A		Thảo	7,3	4,1	5,4	
43	2123100054	Nguyễn Thị Hồng Thuý	29/06/2005	CCQ2310B		Thuý	5,3	5,7	5,5	
44	2123100111	Phạm Huỳnh Thanh Thuý	21/09/2005	CCQ2310D		Thuý	8,3	8,0	8,1	
45	2123210069	Vì Thị Thu Thủy	28/11/2005	CCQ2321B		Thủy	8,3	6,1	7,0	
46	2123210048	Lê Thị Kiều Tiên	04/09/2005	CCQ2321B		Tiên	5,9	7,1	6,6	
47	2123210007	Lê Thị Bích Trâm	20/10/2003	CCQ2321A		Trâm	7,8	6,8	7,2	
48	2123100108	Nguyễn Thị Trúc	25/08/2005	CCQ2310D		Trúc	8,4	8,2	8,3	
49	2122120265	Trần Thị Thanh Trúc	14/06/2004	CCQ2212H		Trúc	7,5	8,2	7,9	
50	2123210134	Nguyễn Thị Mỹ Yến	19/01/2005	CCQ2321D		Yến	8,7	7,8	8,2	